

đơn tâm

đanh Thầy đanh Đạo



TG Nhà xuất bản Tôn Giáo

ĐƠN TÂM

DANH THẦY DANH ĐẠO

NXB TÔN GIÁO

đanh Thầy đanh Đạo



Mỗi người đều có Thiên tánh Trời phú cho với ánh sáng lương tâm soi đường, nhưng lại bị nhờn đục là đám mây đen che mờ. Nếu con người biết dẹp yên, trừ khử nhờn đục thì tự nhiên ánh linh quang của Thiên tánh, của lương tâm liền chiếu rọi. N nhờn đục rút lui, Thiên lý đến. Tà tâm khuất, thánh tâm hiện. Đức Chí Tôn từng dạy: “Con có thánh tâm sẽ có Thầy.” Giờ đây con người thể Thiên hoàng Đạo không những giống Thầy theo luận lý “con Thầy thì phải giống Thầy”, mà còn đã hẳn có Thầy ngự trong tâm mình để trông nom và soi đường cho đời sống hợp chơn lý, hợp Đạo của một hành giả. Con người thể Thiên hoàng Đạo bây giờ có Thầy, có Đạo trong tâm, tất có đủ điều kiện nội tại để làm sáng danh Thầy, rạng danh Đạo.

DANH THẦY DANH ĐẠO



Ấn tổng lần thứ hai năm ngàn (5.000) quyển. Đồng kính nguyện hồi hương cho quốc thái dân an, đạo pháp trường lưu, chánh giáo hoàng dương, vạn linh thức tỉnh hồi đầu, đồng đẳng bỉ ngạn.

Phương danh Quý vị Mạnh Thường Quân

1. Hiền huynh TRẦN THẾ HUY (Đức Hòa, Hậu Nghĩa, Long An). 10.000.000
Công quả đợt 67.
2. Quý môn sanh thánh tịnh Ngọc Chiêu Đàn, HT Cao Đài Tiên Thiên:
Hiền huynh HỒ NHỰT TRÍ, Hiền tỷ NGUYỄN THỊ PHI, 8.250.000
Hiền tỷ HỒ THỊ THU TRANG. Đồng kính nguyện hồi hương:
- ông bà nội (ĐH Hồ Văn Thành, ĐT Nguyễn Thị Sơn),
- cha (ĐH Hồ Bá Nghi), chú (ĐH Hồ Văn Nghiệm),
- cô (ĐT Hồ Nguyệt Phi).
Công quả các đợt 1, 4, 9, 14, 15, 20, 24, 28, 32, 33, 38, 48B, 56, 63, 66.
3. Quý môn sanh thánh tịnh Ngọc Điện Huỳnh Hà, HT Cao Đài Tiên Thiên:
Hiền tỷ NGUYỄN THỊ THẠNH, Hiền huynh PHẠM THANH TÚ, 6.650.000
Hiền tỷ PHẠM THỊ ÁNH MAI, Hiền tỷ PHẠM THỊ ÁNH TUYẾT,
Hiền huynh PHẠM VĂN TỐT, Hiền huynh PHẠM VIẾT TUẤN,
Hiền tỷ TRẦN THỊ SON. Đồng kính nguyện hồi hương:
- mẹ (ĐT Nguyễn Thị Thạnh),
- giác linh cha (ĐH Trần Văn Sửu).
Công quả các đợt 4, 15, 24, 28, 33, 41, 48B.
4. Quý môn sanh thánh thất Phú Nhuận, HT Cao Đài Tây Ninh:
Hiền tỷ NGỌC LIÊN MINH Nguyễn Minh Bạch Liên (Phan Đình Phùng, Phú Nhuận). Công quả các đợt 24, 28, 33, 41. 2.100.000

Tổng cộng: 27.000.000 VNĐ

Quyển 29.2 trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo
Ấn phẩm kỷ niệm đại lễ Khai Minh Đại Đạo năm Nhâm Thìn (2012)

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo

ĐƠN TÂM

Danh Thầy Danh Đạo

IN LẦN THỨ HAI

Nhà xuất bản **TÔN GIÁO**
Hà Nội 2012

Mục Lục

1. Cội Nguồn Muôn Thuở	5
2. Danh Thầy Danh Đạo	25
3. Khai Minh Đại Đạo	34
4. Kỷ Niệm Tái Thiết Vĩnh Nguyên Tự	46
5. Lỡ Một Chuyến Đò	59
6. Nghiệp Số	64
7. Tài Đức Và Mệnh Trời	77
8. Từ Nhà Thơ Lý Bạch Tới Đức Lý Đại Tiên Trưởng	84

*Ảnh bìa 1: Tượng Long Mã chở Hà Đồ
đắp trên nóc Nghinh Phong Đài của Đền Thánh
(Tòa Thánh Cao Đài Tây Ninh).*

Tác giả giữ bản quyền
All Rights Reserved © Vietnam 2012

Cội Nguồn Muôn Thuở

Vào lúc 7 giờ sáng ngày thứ Hai 29-12-1913, tức mùng 3 tháng Chạp Quý Sửu, tại chánh điện Vĩnh Nguyên Tự, vị sáng lập nên ngôi chùa cổ này là Đức Thái Lão Sư Lê Đạo Long (thể danh Lê Văn Tiếng) đã tọa thiền thoát xác về trời, sau bảy mươi một năm mượn thân tứ đại để lập nên đạo nghiệp ở chốn trần ai.

Sau khi quy thiên mười ba năm, vào ngày 20 tháng Giêng Bính Dần (thứ Năm 04-3-1926), do cơ bút của Cao Đài, Đức Thái Lão Sư đã trở lại Vĩnh Nguyên Tự dạy đạo cho nhục tử là tiền bối Lê Văn Lịch, bấy giờ đang làm chủ chùa Vĩnh Nguyên. Nhờ cơ hội này, lần đầu tiên gia tộc họ Lê và môn đệ của Đức Thái Lão Sư mới biết được rằng Ngài đã về cõi Tây phương cực lạc, với đạo quả thiêng liêng là Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn.

Ngày mùng 3 tháng Chạp âm lịch hằng năm mặc nhiên trở thành một định lệ mang ý nghĩa thiêng liêng và trọng đại. Thiêng liêng và trọng đại không phải chỉ riêng cho bản đạo Vĩnh Nguyên Tự, mà còn cho tất cả những người đạo Cao Đài nào có lòng hoài vọng đấng tiền nhân đã khai sáng nên cảnh chùa này, tức là Đức Thái Lão Sư ngày xưa, là Đức Chơn Nhơn của ngày nay.

Làng Long An nơi đây có thể nói là chốn thôn dã mộc mạc khá xa cách thị thành ồn tạp. Tuy nhiên, vì lòng kính ngưỡng Đức Chơn Nhơn, mỗi khi đến dịp kỷ niệm ngày Đức

Thái Lão Sư thoát xác quy thiên, thì đông đảo đạo tâm nam nữ các nơi đều chẳng quản ngại đường xá, đều không hẹn mà cùng sum hiệp đông đủ chốn này.

Bao nhiêu năm tháng cứ tuần tự nối tiếp trôi qua, bao nhiêu thế sự đã thăng trầm biến dịch, nhưng tâm lòng của đạo tâm đối với Vĩnh Nguyên trước sau vẫn không thay đổi. Rồi cũng không biết từ lúc nào mà rất nhiều người trong chúng ta đã tạo cho mình một tập quán, mỗi khi định đi Vĩnh Nguyên thì lại quen miệng nói rằng “Kỳ lễ này tôi sẽ về Vĩnh Nguyên.”

Cái chữ về đáng yêu ấy có lẽ chúng ta ít khi để ý. Nhưng để ý rồi thì ngạc nhiên, thích thú.

Chúng ta không nói đi Vĩnh Nguyên, chúng ta vẫn nói về Vĩnh Nguyên. Tại sao vậy?

Phải chăng vì trong sâu kín tận đáy lòng, hầu hết chúng ta đều vẫn coi Vĩnh Nguyên Tự như chốn cô hương thân thiết của mình, cho nên mỗi khi lên xe trục chỉ làng Long An là ta đang về, về với cội nguồn muôn thuở. *Vĩnh* là vĩnh viễn, vĩnh hằng. *Nguyên* là nguồn cội. Vĩnh Nguyên đúng là *cội nguồn muôn thuở* của chúng ta vậy.

Hôm nay, theo truyền thống lâu đời, chúng ta cũng đang tụ hội nơi đây với tình cảm chơn thành hướng đến Đức Chơn Nhơn. Chúng ta có thể tin rằng lúc này điển lành của Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn đang bủa xuống thế gian, và Ngài đang soi thấu tâm tư mỗi người chúng ta.

Dù mắt thịt phàm phu, chúng ta không thể nhìn thấu tới cõi hư không, chúng ta không nhìn thấy Ngài, nhưng chúng ta vẫn có thể tin rằng sáng hôm nay Đức Chơn Nhơn đang hoan hỷ chứng chiếu cho tất cả thiện tâm đang tề tựu dưới mái Vĩnh Nguyên cổ tự.

Chúng ta hoàn toàn có cơ sở để tin tưởng và nói lên như thế. Thực vậy, mỗi dịp lễ kỷ niệm Ngài, Đức Chơn Nhơn đều trở về cảnh cũ để chứng lễ. Chẳng hạn, vào năm 1962, Ngài đã ban ơn dạy rằng:

*Ngày kỷ niệm nho sinh tề tựu,
Lão rất mừng trong thú đoàn viên,
Dầu không cúc tửu đào tiên,
Nhưng lòng thành kính hậu tiền ban ơn.*⁽¹⁾

Một dịp lễ khác vào năm 1973, Đức Chơn Nhơn đem tình thương vô vi của một tiền nhân mà để lời dạy khách trần hậu bối như sau:

“Chư hiền đến đây với tác lòng thành, Lão cũng xin đáp lại bằng tình tri ngộ. Lão là người đến trước, chư hiền là những bạn đến sau, cùng chung một sứ mạng trong Tam Kỳ Phổ Độ, cũng sẽ còn những người đến sau chư hiền nữa. Bước chân vẫn tiếp nối để góp tay vào xây dựng đời thánh đức trị an sau Long Hoa Đại Hội.”⁽²⁾

Có thể nói, tất cả những đạo hữu nào đã có lòng nhớ nghĩ đến Vĩnh Nguyên, quan tâm đến Vĩnh Nguyên, thì tất cả những đạo hữu này đều được Đức Chơn Nhơn cảm ứng chứng chiếu. Chẳng hạn, năm 1971, Đức Chơn Nhơn dạy:

“Bản Đạo rất lòng cảm ơn chư hiền đệ, hiền muội đã dành sự ưu ái ủng hộ nơi này – Vĩnh Nguyên Tự, mà Bản Đạo là người sáng lập đầu tiên.”⁽³⁾

Trong lời dạy này, Đức Chơn Nhơn đã nhắc lại Ngài chính là vị đầu tiên sáng lập Vĩnh Nguyên Tự. Nhưng nói theo chữ Nho thì Đức Thái Lão Sư chính là vị khai sơn của Vĩnh

⁽¹⁾ Vĩnh Nguyên Tự, 02-12 Tân Sửu (07-01-1962).

⁽²⁾ Vĩnh Nguyên Tự, 02-12 Quý Sửu (25-12-1973).

⁽³⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 10-12 Canh Tuất (06-01-1971).

Nguyên Tự. *Khai sơn* nghĩa là *mở núi*. Cổ nhân riêng dành hai chữ này để ca tụng người đầu tiên đã vượt qua mọi khó khăn chướng ngại, san lấp mọi gai góc hổ hãm, để mở ra con đường đạo đức chánh chơn cho người sau có lối bằng phẳng, có nẻo quang đặng mà noi dấu bước theo để về nơi cực lạc niết bàn.

Hiểu cặn kẽ như thế, chúng ta mới thấm thía rằng công nghiệp của Đức Thái Lão Sư to tát biết bao! Lối hậu bối chúng ta ngày nay đang thọ hưởng ơn đức khai sơn của Ngài ắt phải ý thức và quyết tâm sao cho không thẹn với uy linh Ngài và không phụ tâm lòng trông cậy của Ngài.

*

Sử Đạo chép rằng, từ năm ba mươi bốn tuổi (Bính Tý, 1876), Ngài Lê Văn Tiêng đã phát tâm cầu đạo giải thoát. Khi đủ nhân duyên, Ngài được thọ giáo với Ngài Di Minh Tử (thê danh Ngô Đạo Chánh) là bậc tu chứng tại thế.

Ngài Lê Văn Tiêng tu đến phẩm thái lão sư, được ban đạo danh là Lê Đạo Long. Sau này Đức Thái Lão Sư lại được sư phụ cho phép trở về quê nhà Long An để hoằng giáo độ nhơn.

Năm Mậu Thân (1908), Đức Thái Lão Sư tạo tác ngôi Vĩnh Nguyên Tự. Nói cách khác, Mậu Thân là một mốc thời gian quan trọng của lịch sử Vĩnh Nguyên. Có một lần vào đầu năm 1968, Đức Chơn Nhơn trở về trên ngọn linh cơ, Ngài đã nhắc đến năm Mậu Thân lịch sử xa xưa ấy như sau:

“Ngôi Vĩnh Nguyên Tự được lập thành từ năm Mậu Thân, rồi cũng sắp bước sang năm Mậu Thân nữa. Cách nhau chỉ có mấy mươi năm, nhưng cảnh vật đã bao lần thay đổi. Ngày nay, Vĩnh Nguyên Tự về mặt hình thể là một ngôi cổ tự tiêu sơ, nhưng đã có tên trong sử Đạo. Hơn nữa là đạo tâm nơi

này luôn luôn vẫn được duy trì, mặc dù trải qua mấy lúc thăng trầm, mấy hồi thay đổi. Đó là điều đáng quý.”⁽⁴⁾

Đức Thái Lão Sư tu theo Minh Sư và dựng chùa lập tự để hoàng giáo. Rõ ràng Ngài là bậc chơn sư trong cửa Phật. Tuy nhiên, vốn được un đúc bởi truyền thống Tam Giáo lâu đời của dân tộc, Đức Thái Lão Sư đã tự mình tìm cách dung nạp đầy đủ cả ba nguồn chánh giáo (Nho, Thích, Lão). Năm 1969, Đức Chơn Nhơn giúp chúng ta hiểu rõ thêm một khía cạnh tu học sâu rộng của Ngài khi còn tại thế. Đức Chơn Nhơn dạy:

“Ngày xưa Lão là một môn sanh trong Phật Đạo Minh Sư, nhưng đã luôn luôn tìm hiểu, nghiên cứu phía Tiên Đạo và Thánh Đạo [Nho Giáo] để giúp mình ở phần mở mang kiến thức rộng rãi. Có so sánh được giữa ba nền giáo lý mới thấy mình sáng suốt nhận định đâu là chơn, đâu là giả, nẻo ngắn đường dài, lối quanh co, nơi khúc khuỷu, việc nào đáng làm, việc nào chẳng nên làm, việc nào nên làm thời gian sau mà không nên làm ở thời gian trước, và cũng có việc cần phải làm thình. Nhưng sự làm thình im lặng ấy không phải là không làm, mà trái lại, lúc làm thình im lặng ấy lại làm việc rất nhiều và hiệu quả vô cùng.”⁽⁵⁾

Thực sự, nếu chép lịch sử ra đời của Vĩnh Nguyên Tự, ắt chưa phải là những sự kiện có thể kết thành một pho sách dày nhiều trang. Vậy thì điều gì mới xứng đáng để đời sau lưu ý học hỏi từ ngôi chùa cổ này?

Xin thưa, tuy mang một lịch sử thành lập đơn sơ nhưng Vĩnh Nguyên Tự lại là một nhân tố mà Thiên cơ đã dọn đường sẵn cho thời kỳ khai sáng tôn giáo Cao Đài. Năm 1968, Đức Chơn Nhơn dạy:

“Lịch sử ngôi Vĩnh Nguyên Tự rất là thô sơ, nhưng đó là bước đầu cho việc chuyển từ cựu pháp sang tân pháp, để thích hợp với kỷ nguyên tiến hóa của loài người.”⁽⁶⁾

Cựu pháp tức là giáo pháp của Nhất Kỳ và Nhị Kỳ Phổ Độ. Tân pháp tức là Tam Kỳ Phổ Độ, là thời đại mà chúng ta đang sống.

Trước khi đạo Cao Đài ra đời, trước khi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ trương cao ngọn cờ trên đất nước Việt Nam, thì Thiên cơ đã trao cho Đức Thái Lão Sư sứ mạng lập sẵn chùa Vĩnh Nguyên, chuẩn bị sẵn một số nhân sự đức tài để chờ mười tám năm sau có cơ sở hữu hình trợ giúp các Tiên Khai Đại Đạo.

Vai trò của Vĩnh Nguyên Tự trong Tam Kỳ Phổ Độ từng được Đức Chơn Nhơn nhắc tới vào năm 1961 như sau:

*Vĩnh Nguyên Tự từ xưa Lão tạo,
Lập công tu hoài bão Lê gia,
Việt Nam đắc lệnh Thiên Tòa,
Hoằng khai chơn đạo đem ra độ đời.”*⁽⁷⁾

Năm 1968 Đức Chơn Nhơn dạy rõ thêm:

“Ngày xưa, Lão xây dựng ngôi Vĩnh Nguyên Tự không phải có ý muốn lập một môn phái riêng, hoặc để độc thiên kỳ thân. Lòng duy nhất của Lão lúc bấy giờ lập chùa ra cốt để làm nơi trụ tướng buổi ban sơ cho chư vị Tiên Bối Đại Đạo nhóm họp bàn định, sớm đem lại hình thể Chí Tôn trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, hầu điều dẫn sanh linh trên đường tu học trong vùng ấy, rồi từ từ lan rộng ra khắp muôn phương.”⁽⁸⁾

⁽⁶⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 03-12 Đinh Mùi (02-01-1968).

⁽⁷⁾ Huồn Cung Đàn, 09-02 Tân Sửu (25-3-1961).

⁽⁸⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 03-12 Đinh Mùi (02-01-1968).

⁽⁴⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 03-12 Đinh Mùi (02-01-1968).

⁽⁵⁾ Thiên Lý Đàn, 12-02 Kỷ Dậu (29-3-1969).

Qua thánh giáo của Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, chúng ta thấy Ngài có một sứ mạng đặc biệt trong việc góp phần cùng Đức Chí Tôn chuẩn bị cho buổi ban sơ của đạo Cao Đài tại Việt Nam.

Tháng 01 năm 1969, Đức Chơn Nhơn về Vĩnh Nguyên Tự dạy:

“Này chư Thiên mạng và các cháu! Ngày xưa Lão đã thọ sứ mạng Tam Giáo Tổ Sư đến trần gian dựng gậy đạo nghiệp để làm sáng tỏ và góp phần vào cơ phổ độ trong thời đại hạ nguơn gọi là Tam Kỳ để thị hiện đạo lý cho mọi nơi, mọi người đều nhìn nhận hầu trở về nguồn cội thiện nguyên.”⁽⁹⁾

Cuối tháng 3 cùng năm ấy, Đức Chơn Nhơn nhắc lại:

“Các cháu! Ngày xưa, Vĩnh Nguyên Tự được thiết lập vì hai lý do.”⁽¹⁰⁾

Về lý do thứ nhất, Đức Chơn Nhơn dạy rõ:

“Là Thiên cơ dĩ định, sứ mạng của Vĩnh Nguyên Tự là nơi quy tụ Thập Nhị Khai Thiên để gây dựng giềng mối Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.”⁽¹¹⁾

Từ những câu thánh giáo này, chúng ta hãy ngược dòng thời gian, hãy lần giở những trang sử thời kỳ Khai Đạo để ôn lại một số sự kiện chánh yếu đã diễn ra tại Vĩnh Nguyên Tự, liên quan mật thiết với Vĩnh Nguyên Tự.

– Ngày 20 tháng Giêng Bính Dần (thứ Năm 04-3-1926): Tuân lệnh Đức Chí Tôn, hai tiền bối Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc lần đầu tiên lập đàn tại Vĩnh Nguyên Tự. Đó chính là dịp Đức Thái Lão Sư trở về dạy tử tôn và môn sanh của

Ngài hãy thuận Thiên cơ, quy hiệp Cao Đài.

– Ngày 28 tháng Giêng Bính Dần (thứ Sáu 12-3-1926): Nhục tử của Đức Thái Lão Sư là tiền bối Lê Văn Lịch đang làm chủ chùa Vĩnh Nguyên đã chính thức làm lễ nhập môn Cao Đài.

– Hạ tuần tháng 2 Bính Dần (thượng tuần tháng 4-1926): Ba vị tiền bối là Lê Văn Trung, Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc đã tuân lệnh Đức Chí Tôn, từ Sài Gòn về Vĩnh Nguyên Tự ở luôn trong mười ngày để học đạo pháp. Đức Chí Tôn cũng dạy Ngài Lê Văn Lịch bấy giờ đang là chủ chùa Vĩnh Nguyên hãy truyền bửu pháp cho ba vị ấy.

– Mừng 1 tháng 7 Bính Dần (Chủ Nhật 08-8-1926): Một số tiền bối như Nguyễn Ngọc Tương, Ngô Văn Kim, Nguyễn Ngọc Thơ... đã thọ Thiên phong chức sắc tại Vĩnh Nguyên Tự. Cũng trong ngày này tại Vĩnh Nguyên Tự, Đức Chí Tôn đã ban cho tịch đạo phái nam.

– Ngoài các sự kiện trên, Vĩnh Nguyên Tự còn là nơi cống hiến cho đạo Cao Đài các chức sắc Thiên phong cao cấp, mà các vị này xuất thân là môn đồ của Đức Thái Lão Sư Lê Đạo Long, cụ thể như tiền bối Lê Văn Lịch trở thành Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt, và Thái Lão Sư Trần Đạo Minh (thế danh Trần Văn Thụ) trở thành Chương Pháp Ngọc Thụ Thanh.

– Một số bài kinh cúng tứ thời của đạo Cao Đài hiện nay như bài *Đại La Thiên Đế*, ba bài xưng tán Tam Giáo Tổ Sư đều do Ngài Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt cống hiến từ nguồn kinh sách cổ truyền của Minh Sư mà bấy giờ Vĩnh Nguyên Tự đang lưu giữ...

Quả thực, các sự kiện lịch sử vừa kể trên minh chứng rằng Đức Thái Lão Sư Lê Đạo Long ngày xưa và Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn ngày nay đã có một sứ mạng thiêng liêng

⁽⁹⁾ Vĩnh Nguyên Tự, 03-12 Kỷ Dậu (10-01-1969).

⁽¹⁰⁾ Thiên Lý Đàn, 12-02 Kỷ Dậu (29-3-1969).

⁽¹¹⁾ Thiên Lý Đàn, 12-02 Kỷ Dậu (29-3-1969).

trong Tam Kỳ Phổ Độ. Sứ mạng này xuyên suốt ba giai đoạn:

(a) Chuẩn bị sẵn sàng cơ sở vật chất và nhân sự đức tài trước khi đạo Cao Đài ra đời.

(b) Công hiến cơ sở vật chất và nhân sự đức tài ngay khi đạo Cao Đài vừa mới manh nha.

(c) Tiếp tục góp phần vô vi vào sứ mạng Tam Kỳ Phổ Độ sau khi nền đạo Cao Đài đã hình thành.

Đầu năm 1971, Đức Chơn Nhơn đã giúp chúng ta hiểu rõ hơn ba giai đoạn sứ mạng của Ngài như sau:

“Bản Đạo rất lòng cảm ơn chư hiền đệ, hiền muội đã dành sự ưu ái ủng hộ nơi này – Vĩnh Nguyên Tự mà Bản Đạo là người sáng lập đầu tiên. Ấy chẳng qua là một sứ mạng mà Đức Chí Tôn đã giao phó buổi đầu. Khi Bản Đạo hoàn thành sứ mạng buổi đầu trong cơ đạo ấy thì kế đến trách nhiệm được trao cho Lịch, Trung, Cư, Tắc. Giai đoạn thứ hai này là giai đoạn manh nha hệ thống Tam Kỳ Phổ Độ, và rồi tiếp đến giai đoạn thứ ba đây được Đức Chí Tôn chuyển cơ phổ độ lập thành hình thức theo quy củ ở giai đoạn thứ hai, mà ngày nay Bản Đạo cũng phải chung tay vào xây dựng bằng tinh thần điển lực vô vi.”⁽¹²⁾

*

Đã trở thành thông lệ, mỗi khi thiết lễ kỷ niệm một vị tiền bối, một bậc Hiền Thánh Tiên Phật, chúng ta thường hay kể lại tiểu sử, nhắc đến công nghiệp, ôn lại lời vàng tiếng ngọc do các đấng ấy ban truyền.

Việc làm này rất cần thiết, vì nó giúp ta hiểu biết truyền thống thiêng liêng của nền Đạo cũng như hoài bão và lý

⁽¹²⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 10-12 Canh Tuất (06-01-1971).

tưởng cao cả của người xưa.

Tuy nhiên, nếu chúng ta chỉ biết dừng lại ở chỗ ngôn từ thì e chưa đủ. Cho dù chúng ta có hết sức ca ngợi công đức các bậc tiền nhân bằng lời lẽ hoa mỹ, trau chuốt, tài tình đến thế nào chăng nữa, tất cả vẫn chỉ là huyền hoặc, hư ảo, phù phiếm. Chắc chắn rằng các đấng đã giải thoát, đang tiêu diêu nơi non bồng nước nhược chẳng cần chi lời ca tụng suông của chúng ta.

Điều mà các đấng chờ đợi, ấy là chúng ta có biết thành tâm học tập gương sáng của tiền nhân để đem áp dụng vào cuộc sống hiện tại, tức là biết thành tâm nối tiếp đại chí đại nguyện của các ngài, thực hành đúng những lời dạy tha thiết của các ngài.

Ý thức như thế, chúng ta hãy suy gẫm cho thấu đáo lời dạy của Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn vào đầu năm 1972, khi Ngài trở về Vĩnh Nguyên Tự. Hôm ấy, Đức Chơn Nhơn dạy:

“Người xưa đã qua rồi. Ngày xưa đã trôi mất rồi. Lập lại tên tuổi của người xưa, đọc lại ngày tháng sanh tử của người xưa là một điều không thật đối với lẽ Đạo. Điểm quan hệ là nhờ sự lập lại ấy để người sau ý thức rằng mình đang hiện hữu trong một nguồn sống vô cùng của Đạo, và vẫn chịu chung cái định luật ấy để rồi trở về với chính mình mà lo tồn tánh tu tâm, chẳng phóng ngoại chi gian mà chen đưa cuộc thế, không bỏ mất tâm thần mà bảo thủ kỳ thân.”⁽¹³⁾

Học lại lời dạy của Đức Chơn Nhơn, đem tâm tư mình gắn với Vĩnh Nguyên Tự, tôi thấy lòng mình không khỏi ray rứt. Xét về huyết mạch thì tôi không thuộc gia tộc của Đức Thái Lão Sư. Nhưng về tình đạo mạch thì đã từ biết bao năm rồi,

⁽¹³⁾ Vĩnh Nguyên Tự, 03-12 Tân Hợi (18-01-1972).

tôi vẫn là người rất thân thiết, luôn gắn bó với mọi buồn vui, suy thịnh của Vĩnh Nguyên, mà Đức Chơn Nhơn là Tôn Sư vô vi của tôi.

Đây chính là một duyên lành cho tôi, bởi lẽ đã có một mối liên hệ thiêng liêng giữa Đức Như Ý, Vĩnh Nguyên và tôi. Trong rất nhiều lần thương yêu chỉ dạy, gọi gắm Vĩnh Nguyên, có một lần vào năm Bính Thìn, tại Vĩnh Nguyên Tự, Đức Chơn Nhơn đã yêu thương, ban ơn mà dạy cho biết Ngài chính là Đức Tôn Sư của tôi từ nhiều kiếp trước:

*Duyên xưa Sư đệ đã lâu rồi,
Chuyển kiếp Thầy trò kẻ mỗi nơi.
Nay gặp lại đây căn độ rồi,
Để cho vừng chãi, đạo như đời.*

Cho nên, mỗi khi ôn lại lời dạy của Đức Chơn Nhơn, trần trở với cơ đạo Vĩnh Nguyên, tôi luôn thấy lòng nặng trĩu. Mỗi một lời Đức Chơn Nhơn dạy riêng Vĩnh Nguyên Tự tôi đều coi là dạy luôn tôi trong phần trách nhiệm mà Đức Tôn Sư đã bao lần ân cần ký thác, tin yêu gọi gắm.

Cái tôi là cái nên cất đi. Lẽ ra không nên đem cái tôi của mình ra mà tâm sự cùng quý đạo tâm lương phái hôm nay. Nhưng tôi muốn tâm sự như vậy, để trong buổi nói chuyện này mọi người sẽ cùng nhau thông cảm, và đặc biệt là đối với bốn đạo Vĩnh Nguyên, huynh đệ chúng ta sẽ vì nhớ nghĩ đến tâm huyết của Đức Chơn Nhơn, sẽ cùng vì sứ mạng thiêng liêng của Vĩnh Nguyên trong đại cuộc Tam Kỳ Phổ Độ mà phấn đấu vượt thoát khỏi mọi khúc quanh của ngòi lạch chật hẹp ngõ hầu đưa thuyền đạo ra sông dài biển rộng bao la.

Trở lại câu chuyện hôm nay với danh xưng Vĩnh Nguyên Tự. Vĩnh Nguyên đã là cái tên quá thân quen. Có lẽ vì thế lắm khi chúng ta quên không nhớ tới ý nghĩa sâu xa của hai chữ

Vĩnh Nguyên.

Vĩnh Nguyên Tự là danh xưng đã có từ buổi Đức Thái Lão Sư khai sơn hoằng giáo nơi làng Long An vào năm 1908. Năm 1926, khi Vĩnh Nguyên Tự quy hiệp về Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, thì danh xưng Vĩnh Nguyên Tự đã được Ôn Trên lưu giữ. Việc giữ lại tên gọi Vĩnh Nguyên cho ngôi cổ tự này có một ý nghĩa đạo lý hết sức sâu xa, chúng ta nên cùng nhau suy gẫm cho thấu đáo.

Nguyên là nguồn cội, là gốc rễ. *Vĩnh* là vĩnh cửu, vĩnh viễn, vĩnh hằng, là muôn thuở không hư hoại.

Danh xưng Vĩnh Nguyên Tự có hai ý nghĩa quan trọng. Ý nghĩa về mặt thế gian (hay hữu vi) và ý nghĩa về mặt siêu thế gian (hay vô vi).

Trước hết, nói về mặt thế gian hữu vi, thì hai chữ Vĩnh Nguyên nhằm mục đích nhắc nhở người đạo chúng ta nhớ rằng đây là một gốc tích trong buổi đầu khai sáng nền tôn giáo Cao Đài tại Việt Nam.

Người sinh sau như chúng ta phải hết sức giữ gìn cái cội gốc này cho vừng bền muôn thuở. Vững bền không phải chỉ có nghĩa là duy trì, gìn giữ cái kiến trúc xi măng, gạch ngói trên thửa đất này, vì nếu chỉ có như thế thì mới là tạm bảo tồn được cái xác vật chất hữu hình hữu hoại của Vĩnh Nguyên đấy thôi.

Mùa xuân năm 1975, nhân kỷ niệm hai năm trùng tu Vĩnh Nguyên Tự, Đức Chơn Nhơn đã lưu ý chúng ta rằng việc tái thiết Vĩnh Nguyên Tự chính là “*xây dựng lại một hình bóng cứu thế tại trần gian*”.⁽¹⁴⁾

Nói cách khác, Vĩnh Nguyên Tự không chỉ là một ngôi

⁽¹⁴⁾ Vĩnh Nguyên Tự, 15-3 Ất Mão (26-4-1975).

chùa như bao nhiêu ngôi chùa khác bởi lẽ đây chính là “*một hình bóng cứu thế tại trần gian*”.

Xét như thế, giá trị đích thực của Vĩnh Nguyên Tự phải tìm kiếm ở đâu? Đức Chơn Nhơn giúp ta câu trả lời như sau:

“Chư hiền đệ, hiền muội! (...) Lão muốn nói lên giá trị thật sự của nó [Vĩnh Nguyên Tự], không phải nhắm vào ngôi chùa đồ sộ nguy nga có khách thập phương đến lễ bái, cúng dường đông đảo, mà mục đích phải là hoằng dương chánh đạo, phổ độ nhơn sanh. Có như vậy mới xứng đáng với công trình người xưa đã tạo lập và người nay xây dựng lại.”⁽¹⁵⁾

Muốn vượt lên mức tầm thường là nơi hành hương lễ bái để vươn cao tới mức phi thường là nơi “*hoằng dương chánh đạo, phổ độ nhơn sanh*” thì Vĩnh Nguyên Tự phải học cho hiểu và làm cho đúng theo lời Đức Chơn Nhơn, đó là biết ý thức lấy chính bản thân mình làm gương đạo hạnh để cho người đời từ gần đến xa nhìn vào cũng đều kính mến, tâm phục, khẩu phục. Có như thế người đạo mới có thể cảm hóa người đời, dẫn dắt người đời vào Đạo, cùng theo mình đi chung một con đường tu hành giải thoát. Cho nên Đức Chơn Nhơn dạy:

*Vĩnh Nguyên Tự chư nhu các sĩ,
Lời Lão phân xét kỹ nghiệm xa,
Độ người trước phải độ ta,
Ta là gương mẫu gần xa người đời.*⁽¹⁶⁾

Lời dạy của Đức Chơn Nhơn rất rõ. Chúng ta phải luôn luôn dặn lòng lo cho Vĩnh Nguyên vững bền theo ý nghĩa là bảo vệ danh thơm của Vĩnh Nguyên không bị mai một, rồi còn phát huy cho danh thơm Vĩnh Nguyên ngày một bay xa.

⁽¹⁵⁾ Vĩnh Nguyên Tự, 15-3 Ất Mão (26-4-1975).

⁽¹⁶⁾ Hườn Cung Đàn, 14-4 Tân Sửu (28-5-1961).

Ngày xưa, chính Đức Thái Lão Sư đã bằng cuộc đời Ngài nêu gương sáng cho hậu thế. Con nhà tông không giống lông cũng giống cánh; con nhà thánh chẳng giống cánh cũng giống lông. Đức Chơn Nhơn vì thế luôn luôn kỳ vọng dòng tộc họ Lê của Ngài phải thể hiện được căn bản đạo đức truyền thống của tổ tiên họ Lê từ khi khai cơ lập nghiệp trên đất Long An này. Đây là lời tâm huyết mà Đức Chơn Nhơn từng trao gởi Vĩnh Nguyên:

*Tiền nhân xưa cần cù tạo đức,
Gieo giống lành chọn đất phì nhiêu,
Lập nên đạo đức đủ điều,
Há không giữ đặng ít nhiều bản căn?*⁽¹⁷⁾

Nếu bốn đạo Vĩnh Nguyên chúng ta lãnh hội lời dạy của Đức Chơn Nhơn, cố gắng chuyên cần tu tâm luyện tánh, làm sao cho ai ai cũng tâm đạo sáng ngời, đức hạnh đủ đầy để chùa Vĩnh Nguyên luôn xứng danh là cội nguồn Đại Đạo, để bốn đạo Vĩnh Nguyên luôn luôn hãnh diện thấy mình xứng đáng là hậu duệ Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, xứng đáng là dòng dõi của Đấng đã khai sáng nên mái chùa này, thì đây chính thực là một lễ phẩm vô cùng xứng đáng để mỗi dịp lễ kỷ niệm như hôm nay, chúng ta cùng hân hoan kính dâng lên Đức Chơn Nhơn.

Ngày nay, cơ sở vật chất Vĩnh Nguyên Tự đã khang trang, vững vàng hơn ngày xưa rất nhiều nhưng Đức Chơn Nhơn vẫn chưa yên lòng bởi lẽ tinh thần của Vĩnh Nguyên Tự vẫn chưa vững vàng, chưa thực sự đúng theo tôn ý của Đức Chơn Nhơn.

Chúng ta đã biết, năm 1975 Đức Chơn Nhơn dạy Vĩnh

⁽¹⁷⁾ Hườn Cung Đàn, 29-02 Tân Sửu (14-4-1961).

Nguyên Tụ là “*một hình bóng cứu thế tại trần gian*”.⁽¹⁸⁾

Hai năm trước đó, tức là năm 1973, Ngài xác định:

“*Vĩnh Nguyên Tụ là đạo nghiệp. Vậy thì của người đạo, người hiền, không phải của một họ, mà của trăm họ.*”⁽¹⁹⁾

Đây chính là ý thức mà Đức Như Ý không ngừng gieo mầm và nuôi dưỡng trong gia tộc họ Lê. Chính vì thế năm chữ *truyền hiền bất truyền tử* suốt một thời gian dài đã được Đức Chơn Nhơn nhắc đi nhắc lại mỗi khi Ngài trở về trần gian mượn ngôn linh cơ để giáo huấn Vĩnh Nguyên.

Mùa xuân năm 1961, Đức Chơn Nhơn dạy:

*Có nhớ chăng những lời Lão dặn,
Chọn người hiền tinh tấn đường tu?
Thôn lân vén gút mây mù,
Lập công độ chúng truyền pho Đạo Vàng.*⁽²⁰⁾

Mùa xuân năm 1969, khi dạy về hai lý do thiết lập Vĩnh Nguyên Tụ, Đức Chơn Nhơn đã giảng giải lý do thứ hai chính là “*truyền thống đạo đức*”. Ngài dạy rõ thêm như sau:

“*... trong đời Lão đã là người lập thân hành đạo nên tạo cơ sở ấy [Vĩnh Nguyên Tụ] để nguồn đạo đức mãi mãi lưu truyền cho hậu thế, trước nhất là truyền thống tử tôn. Tuy nhiên Lão đã nói: Cơ nghiệp này sẽ truyền hiền bất truyền tử. Câu nói ấy cho đến ngày nay, từ con cháu mấy đời cũng chưa hiểu rõ được lý của nó.*

“*Tại sao truyền hiền bất truyền tử? Nếu nói ngược lại trong lúc ấy có nhiều đứa con cháu nói chí ông cha cũng lập thân hành đạo, phổ độ chúng sinh, làm và sẽ phát huy, phát*

⁽¹⁸⁾ Vĩnh Nguyên Tụ, 15-3 Ất Mão (26-4-1975).

⁽¹⁹⁾ Vĩnh Nguyên Tụ, 10-3 Quý Sửu (12-4-1973).

⁽²⁰⁾ Huồn Cung Đàn, 09-02 Tân Sửu (25-3-1961).

triển sự nghiệp đạo đức hơn ông cha, thì lý do nào lại truyền hiền bất truyền tử?

“*Câu nói ấy có tác dụng là đề cao trọng tâm vào đạo đức hiền nhân, và những ai đủ điều kiện đạo đức mới có thể kế nghiệp, không luận là trong quyến tộc hay người ngoài. (...)*

“*Câu nói ấy có tác dụng khích động và hơi cảnh cáo để cho tử tôn tự nhận thấy mình phải có bổn phận làm sao cho xứng đáng là hiền để kế nghiệp ấy mới phải chớ.*”⁽²¹⁾

Mùa xuân năm 1973, Đức Chơn Nhơn nhắc lại:

“*Về phần các cháu, hễ các cháu còn nhớ lời Lão khi xưa: Truyền hiền bất truyền tử. Không phải phủ nhận con cháu, mà muốn con cháu phải làm hiền mới xứng đáng là người noi đạo nghiệp.*”⁽²²⁾

Chúng ta thấy, những lời dạy về ý chỉ *truyền hiền bất truyền tử* hết sức là hệ trọng và chắc chắn sẽ ảnh hưởng, sẽ tác động mạnh mẽ đến tâm tư, trí não nhiều người. Thế nên, có lẽ không phải tình cờ mà Đức Chơn Nhơn đã chọn nhiều mùa xuân để nhắc nhở hoài ý chỉ này.

Mùa xuân là lúc khí trời mát mẻ, tươi nhuận. Phải chăng Đức Chơn Nhơn mong cho lòng phàm tánh tục nương theo khí tiết đất trời mà cũng mát mẻ, cũng thanh thang rộng mở để hoan hỷ đón nhận ý chỉ trọng đại của Chơn Nhơn?

Mùa xuân cũng tượng trưng cho đức Nguyên của trời đất, là lúc vũ trụ tái lập một công cuộc sinh trưởng mới mẻ. Phải chăng Đức Chơn Nhơn mong rằng hậu duệ của Ngài hãy sớm biết nắm lấy đạo lý đó để sớm lập lại cuộc sinh trưởng ở ngay mảnh tâm điền của chính mình?

⁽²¹⁾ Thiên Lý Đàn, 12-02 Kỷ Dậu (29-3-1969).

⁽²²⁾ Vĩnh Nguyên Tụ, 10-3 Quý Sửu (12-4-1973).

Đức Chơn Nhơn từng soi thấu hết nhân tâm và đạo sự Vĩnh Nguyên. Khi nhìn thấy trong dòng tộc đã có được con cháu nào tuy khả năng còn hạn chế mà vẫn cố gắng noi gương tiên nhân thì Ngài vui và ngợi khen, khuyến khích. Chẳng hạn, năm 1969, Đức Chơn Nhơn dạy:

“Ngày nay các cháu chưa xứng đáng là hiền để hạnh hưởng cái vinh diệu ấy. Rất đỗi ý chí tìm kiếm người hiền để trao gởi đạo nghiệp ấy cũng đã chưa có. Dù sao Lão cũng để lời khen ngợi và thương cho những cháu nào còn cố gắng giữ gìn di tích.

“Đành rằng tự biết mình chưa xứng đáng để gồng gánh đảm trách đạo nghiệp cao quý của ông cha, nhưng ít nhất cũng nhận biết rằng sự nghiệp ấy là cao quý nên đã chịu đựng với thời gian gió bụi phong sương trong thời chiến loạn, mà gìn giữ những gì còn lại đến ngày nay.”⁽²³⁾

*

Như đã nói, Vĩnh Nguyên có hai ý nghĩa. Trên đây là ý nghĩa về mặt thể gian.

Ý nghĩa thứ hai là gì? Về mặt siêu thể gian hay vô vi, danh xưng Vĩnh Nguyên nhắc chúng ta nhớ rằng mỗi người chúng ta còn có một nguồn gốc, một căn nguyên vĩnh hằng, sang cả nơi thượng giới. Chúng ta đã nguyện xuống trần gian để giúp Thầy hoàng Đạo, vậy thì chúng ta đừng vì lục đục thất tình mà quên hết đại nguyện nơi chốn Thiên Đình. Đức Chơn Nhơn dạy:

*Đây, Lão nhắc ít nhiều thuở trước,
Cho chừ hiền lẫn lượt hiền sau,*

⁽²³⁾ Thiên Lý Đàn, 12-02 Kỷ Dậu (29-3-1969).

*Xưa kia nơi chốn Thiên Tào,
Cũng đồng lãnh một lời trao bệ vàng.
Nguyện xuống chốn trần gian cứu thế,
Nguyện vì đời phổ tế quần linh,
Lời nguyện cao cả hy sinh,
Thì nay phải biết quên mình độ nhơn.”⁽²⁴⁾*

Khi nhắc bản đạo Vĩnh Nguyên nhớ đến nguồn cội muôn thuở vững bền của mình nơi cõi thiêng liêng. Đức Chơn Nhơn mong muốn chúng ta hãy đặt hai giá trị lên bàn cân. Cái giá trị vật chất hữu hình nào rồi cũng tàn hoại; chỉ có giá trị đạo đức vô hình mới vĩnh hằng bất diệt, và chính nó mới là cái mà chúng ta nên khát khao nắm giữ, vì chỉ có cái đó mới là hành trang để ta mang về cõi nguồn muôn thuở nơi cõi thượng.

Hiểu như vậy, trong cuộc sống đời thường, chúng ta mới không bận lòng vì quyền lợi vật chất còn con mà để hết tâm thanh thân ra chung tay góp sức với bà con quyền thuộc, đồng đạo đồng môn, cùng hợp quần nâng đỡ nhau tu học, hành đạo để thúc đẩy cho cơ đạo địa phương này được tiến nhanh và vững chắc.

Lịch sử nhân loại đông tây đều chứng minh rằng lòng phàm tranh chấp vì quyền lợi riêng tư chính là chất a-xít bào mòn, hủy hoại tình đoàn kết, làm sụp đổ mọi lý tưởng cao cả phục vụ nhơn sanh.

Làm theo lời dạy của Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn “*phải biết quên mình độ nhơn*” thì chúng ta đồng quyết tâm bỏ qua những lợi ích vật chất nơi thế gian, bỏ qua những quyền lợi sở hữu ích kỷ mà dốc hết tâm tư ý chí vào đại cuộc là sứ mạng hoàng đạo độ đời, để cho Vĩnh Nguyên Tự đúng nghĩa là *hình bóng cứu thế tại trần gian*.

⁽²⁴⁾ Hườn Cung Đàn, 14-4 Tân Sửu (28-5-1961).

Đạo lý dạy chúng ta rằng, nếu làm đúng theo chánh đạo thì có những thứ ta không cầu mà tự nhiên lại đến. Đức Chơn Nhơn dạy chúng ta hãy tin vào huyền năng nhiệm mầu của Thượng Đế, miễn là lòng thành tâm đạo trung kiên, chơn chánh thì mọi sự sẽ được Ôn Trên phù trợ, an bài, và Ôn Trên sẽ còn ban trao sứ mạng trọng đại. Đức Như Ý dạy:

*Kho vô tận của Trời ban thưởng,
Người hữu duyên được hưởng nghìn thu,
Rồi đây giao phó cơ đồ,
Lão đem ban đến những trò nhiệt tâm.*⁽²⁵⁾

Chúng ta đã may duyên hạnh ngộ Cao Đài, đã có duyên lành với Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn nên được làm hậu duệ của Ngài và làm bổn đạo tại mái chùa xưa do Ngài dựng nên. Thế thì thay vì bận lòng tìm kiếm những cơ nghiệp hữu hình, những vật chất tạm bợ thế gian, chúng ta hãy dốc tâm xây dựng cho mình một lâu đài nguy nga bất diệt là tòa Cao Đài nội tại trong kiếp sống này.

Một lần nữa, chúng ta hãy ghi nhớ những lời ân cần thiết tha chỉ dạy của Đức Chơn Nhơn:

“Các cháu ôi! Thời hạ nguơn mặt kiếp Đại Đạo hoằng khai cứu vớt nguyên nhân tạo lập đời thượng nguơn thánh đức. Các cháu nói riêng, toàn thể nhân loại nói chung, dầu muốn tin hay không muốn tin thì Thiên cơ vẫn tuần tự diễn hành. Công cuộc đào thải và bảo tồn đều tác động mạnh mẽ. Trên đường thế lộ, các cháu sáng suốt biết chọn con đường Đại Đạo noi theo, học tu chánh pháp thì Lão khuyên các cháu phải quyết tâm xây đắp cho mình một tòa Cao Đài nội tại uy nghi, trang trọng để ở hẳn vào đó, lấy đó làm ngôi vĩnh cửu

⁽²⁵⁾ Hườn Cung Đàn, 14-4 Tân Sửu (28-5-1961).

trường tồn, sẽ vượt hẳn qua mọi dông bão nắng mưa.”⁽²⁶⁾

*

Mọi lời lẽ ở thế gian đều là tương đối, chỉ có tình đồng đạo thương nhau chân thật mới gắn bó chúng ta gần gũi với nhau mà xóa bỏ hết mọi hiểu lầm ngộ nhận. Câu chuyện đạo hôm nay cầu mong sao sẽ tìm được lòng cảm thông, chia sẻ ở tất cả quý đạo hữu, đạo tâm lương phái.

Cuối cùng, nhân ngày chúng ta hội ngộ ở Vĩnh Nguyên Tự để tưởng nhớ Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, tôi xin trân trọng đem lời của Đức Chơn Nhơn kính trao lại tất cả quý huynh tỷ, để thay mặt bổn đạo Vĩnh Nguyên đáp tạ tấm chơn tình của quý huynh tỷ đối với chốn thôn quê mộc mạc này:

*Giã từ tất cả trung đàn,
Chư hiền chẳng nệ dặm ngàn về đây.
Chung vui dưới mái chùa này,
Một lòng tưởng niệm kết dây thâm tình.
Cõi trần đệ muội đình ninh,
Non Tiên Lão sẽ tận tình dìu nương.
Chia tay Tiên tục đôi phương,
Hẹn còn gặp gỡ trên đường Long Hoa.*⁽²⁷⁾

Vĩnh Nguyên Tự, 05-01-2003

⁽²⁶⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 14-3 Mậu Ngọ.

⁽²⁷⁾ Vĩnh Nguyên Tự, 03-12 Quý Mão (17-01-1964).

Danh Thầy Danh Đạo

*Dành rằng khai Đạo cứu đời,
Đạo cho nên Đạo thì đời mới yên.⁽¹⁾*

Những chức sắc và tín đồ Cao Đài có ý thức về sứ mạng Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ ắt không khỏi băn khoăn khi tự hỏi: Hiện nay, sau hơn tám mươi năm Đạo khai,

1. Có bao nhiêu dân tộc trên thế giới đã nhận được tín hiệu cuộc cứu thế Kỳ Ba của Đức Thượng Đế?

2. Ngay trên đất nước Việt Nam được Đức Chí Tôn chọn làm cái nôi Cao Đài, tôn giáo Cao Đài đã chính thức có được bao nhiêu tín đồ trên tổng số tám mươi sáu triệu dân?⁽²⁾

3. Khoảng bao nhiêu phần trăm đồng bào còn hiểu sai lầm và thắc mắc về tôn giáo Cao Đài?

4. Khoảng bao nhiêu đồng bào còn chưa biết gì về tôn giáo Cao Đài?

Thật thà tìm ra đáp số tương đối trung thực cho các câu tự hỏi trên đây, chúng ta cảm thấy lòng kém vui, và mong ước một phong trào đồng tâm kê gọi nhau lo nghĩ về *danh Thầy danh Đạo*; những gì ví như một số cụm mây đen hãy tự cuốn bay đi, để ánh sáng mặt trời chiếu rọi khắp nơi khắp chốn.

⁽¹⁾ Đức Vô Cực Từ Tôn, Chơn Lý Đàn, 15-8 Ất Ty (10-9-1965).

⁽²⁾ Thống kê tháng 4-2009.

I. PHÁ VỠ, TỪ BỎ NHỮNG GÌ SAI LẠC

Thượng sách chẳng phải là đổ lỗi và trách cứ ai, mà là kêu gọi nhau chung lo và lo chung cho cơ Đạo, theo phương hướng Ôn Trên đã chỉ dạy.

Trong quá khứ có một số chủ trương sai lầm, gây hậu quả bất lợi cho cơ Đạo, nhưng xuất phát từ thiện ý, nên Đức Mẹ lấy lòng từ ái phân tích cho con cái của Ngài cùng nhau ngoài nhìn lại quá khứ để đánh giá, nhận định, ngõ hầu thấy phần bất lợi trong cái hỗn tạp mỗi người mỗi ý, mỗi nhóm mỗi chủ trương, đưa tới thực trạng kém vinh quang đáng tiếc.

Đức Vô Cực Từ Tôn dạy:

“Về phương diện thể Thiên hành hóa, các con đã được một điểm son, nhưng còn về phương diện hiệp nhứt quy nguyên một thể thống Đạo tại nước nhà, các con còn vấp phải bao nhiêu trở ngại. Nhưng dầu sớm dầu muộn, những trở ngại đó các con sẽ vượt qua. Có như vậy phương thức hành đạo, kinh điển, đạo luật mới có cơ hội soạn thảo duy nhứt. Từ đó mới có thể phổ truyền năm châu bốn biển. Còn như trước hiện trạng, các con chưa thể làm gì được hầu thực hiện sứ mạng cao cả đó.

“Giả thử hiện giờ, nếu có một ngoại nhơn từ phương trời Âu, Mỹ, Úc đến hỏi sự tổ chức trong đạo Cao Đài, các con phải nói làm sao, giải thích làm sao, dựa vào tiêu chuẩn, đạo luật nào để giải thích cho ngoại nhơn đó khỏi thắc mắc lầm lẫn một khi được hỏi đến một con thứ hai ở chi phái khác?

“Hôm nay các con hãy bình tâm cùng Mẹ kiểm điểm, ôn lại trong quá trình với những sứ mạng thể Thiên hành hóa, gồm mấy lãnh vực và mấy xu hướng trong hàng huynh đệ các con.

“Cũng thời một cõi lòng thiết tha thương Thầy mến Đạo,

con nào cũng muốn sáng danh Thầy, rạng danh Đạo, nhưng chính trong mỗi con còn thiếu những điều kiện và hoàn cảnh, do đó là một trở ngại rất lớn.

“Con có đũa khi đặt mình vào Đạo, hằng muốn đem chánh pháp, đạo luật, kinh điển phổ truyền khắp nơi để cho nhơn sanh tỉnh thức tu học, để tạo lập một cõi thiên đàng ở thế gian toàn là hiền nhân đạo đức.

“Cũng có đũa nóng lòng vì việc đạo, bước xa hơn một bước, là tạo thế lực bên đời để dễ bề phổ truyền chánh đạo, nhưng không hay rằng mình đã vướng chân trong lưới rập thường tình của thế nhân.

“Cũng có đũa nóng lòng vì việc quốc gia đại sự, muốn chen chân vào đó để làm phương tiện hoạt động phổ biến Đạo Trời.

“Cũng có đũa vì tiền đồ Đại Đạo và danh nghĩa đạo giáo, giữa buổi thế sự phân tranh, muốn được tiếng nói Đạo Thầy làm trung gian để giải hòa mọi mặt.

“Cũng có đũa muốn tại gia tu học, gìn giữ tân pháp.

“Cũng có đũa thường xuyên đi đến chùa, thất để học hỏi điều hay lẽ phải trong hàng huynh đệ tiên phong.

“Cũng có đũa trong tâm chẳng muốn đi đâu, nhưng sợ e vắng mặt lâu ngày rồi huynh đệ cho mình là ngã đạo, nên ngày sóc vọng ráng trời bước đến chùa, thất cho có lệ.

“Cũng có đũa không quản của, công, đem đóng góp vào cơ quan Đạo để được hưởng phúc hồng Thầy Mẹ rưới chan.

“Cũng có đũa vào Đạo để thọ Thiên phong vào hàng anh lớn, đời ngày lâm chung, tuổi tên được vào sử Đạo.

“Nhưng rồi các con ôi! Ai là bực xứng đáng thay mặt Chí Tôn để nói lên được tiếng nói duy nhất của đạo Cao Đài? Ai

là người xứng đáng nói lên tiếng nói để cảnh tỉnh các lãnh tụ chi phái Đạo để cùng vạch một đường hướng chung cho bước tiến của Đạo Trời?”⁽³⁾

Hai tuần trước đó, Đức Mẹ dạy:

“Các con sanh vào kỳ biến thiên hỗn loạn nên Đại Đạo mới trung hưng⁽⁴⁾ chánh pháp ổn định thế gian. Các con phải xác nhận mục đích và tôn chỉ để đặt mình vào cương vị lãnh đạo giáo đồ, phải chánh tín để đem chánh tín cho mọi người, phải thực hành chơn lý để mọi người đều đến với chơn lý.”

(...)

“Mẹ đã dạy các con nhiều lần: Trời đất không riêng, đạo lý có một. Đã là có một thì không riêng, mà tư riêng là không còn một của đạo lý nữa.

“Con hãy học đức từ bi của Phật, bác ái của Tiên, công bình của Thánh, cùng hợp ý chung tâm để tìm lẽ Đạo, thì tất nhiên điều sai lạc sẽ được phô bày tỏ rõ. Con sẽ được sự bảo vệ của các đồng đạo, và khi nhơn dục tịnh tận, thiên lý sẽ lưu hành. Đó là chơn lý của công trình, công quả và công phu vậy.”⁽⁵⁾

Giáng đàn chứng lễ lạc thành tái thiết một thánh sở, Đức Mẹ dạy:

“Hỡi các con nam nữ! Các con đã xây dựng xong về mặt hình thức đối với sở hữu các con. Tuy rằng khó mà còn có thể làm được, còn xây dựng về mặt tinh thần đạo đức thì lại càng khó hơn.

“Hôm nay, các con hãy tô đậm hai chữ xây dựng để làm

⁽³⁾ Huồn Cung Đàn, 29-8 Ất Tỵ (24-9-1965).

⁽⁴⁾ Trung hưng: Hồi phục lại sau thời kỳ suy yếu.

⁽⁵⁾ Chơn Lý Đàn, 15-8 Ất Tỵ (10-9-1965).

bài học hằng ngày trên bước đường đạo. Về mặt hình thức cũng kể tạm yên, rồi đây các con còn phải mất nhiều thì giờ để xây dựng về mặt tinh thần đạo đức.

“Sở dĩ ngày hôm nay có một ngôi hữu hình đồ sộ là do các con đã gia công ruồng bỏ, phá vỡ những gì xấu xa, mục nát, hư hoại. Vậy thì về mặt tinh thần, trước khi muốn xây dựng cũng phải ruồng bỏ những gì gọi là xấu xa, ích kỷ, chia rẽ, xuyên tạc, nhỏ nhen, cố chấp, mà phải xây dựng lại tinh thần tốt đẹp, vị tha, quảng đại, khoan dung, phá chấp. Xây dựng từ bản tâm, bản thân, cá tính, đến xây dựng gia đình, phu thê, tử tôn, lần hồi xây dựng đến tình đồng đạo, bạn hữu gần xa.

“Nếu những con có quyền thế, quy luật trong tay, hãy dùng đạo đức mà xây dựng lại dân tâm quảng đại quần chúng, từ gia đình, quốc gia và xã hội.

“Một người là một đơn vị nhỏ, được xây dựng kiện toàn về mặt đạo đức. Mười người được xây dựng như vậy. Trăm, ngàn, muôn, triệu người được xây dựng như vậy thì lo chi nhà chẳng yên, Đạo chẳng thịnh, nước chẳng quyền, nhân loại chẳng an cư lạc nghiệp.”⁽⁶⁾

II. VAI TRÒ THẾ THIÊN HOÀNG ĐẠO

Các tôn giáo thời Nhứt Kỳ và Nhị Kỳ Phổ Độ có giáo chủ tại trần thế, do đó trách nhiệm hữu hình giữa giáo chủ và môn sanh có phần phân biệt rõ ràng. Trong Tam Kỳ Phổ Độ thời nay, Đức Chí Tôn không giao chánh pháp cho tay phàm, mà chọn phương thức giảng diễn dạy đạo. Về mặt vô vi, Đức Chí Tôn và các Đấng thiêng liêng âm phò mặc trợ, hộ độ nhắc nhở. Về phần hữu hình thì giao cho hàng ngũ chức sắc Thiên ân nói riêng và tập thể Cao Đài nói chung vai trò và trách

nhiệm thế Thiên hoàng Đạo, đàn anh giác ngộ đi trước đi đầu dắt đàn em giác ngộ theo sau. Hễ nhập môn vào cửa Cao Đài rồi thì hằng ngày ai ai cũng đều nguyện:

Nhứt nguyện Đại Đạo hoằng khai,

Nhị nguyện phổ độ chúng sanh.

với ý nghĩa tích cực lãnh sứ mạng phổ độ chúng sanh, hoằng khai Đại Đạo, và như thế, hàng ngũ thế Thiên hoàng Đạo phải ngày càng đông, kết quả phải ngày càng nhiều.

Nhưng không tránh khỏi sức ì về tư tưởng của thời kỳ phổ độ trước, một phần chức sắc Cao Đài lẫn một phần tín đồ thường lo tu riêng cho mình, không chuyên tâm nghĩ tới mặt chức năng tạo điều kiện cần và đủ để thế Thiên hoàng Đạo, thay Trời phổ độ chúng sanh.

Vấn đề này rất quan trọng, là mấu chốt, là đòn bẩy đưa cơ đạo tiến lên hay không tiến lên, hoặc tiến lên mau hay tiến lên chậm.

Người quan tâm tới vai trò thế Thiên hoàng Đạo không ngớt suy tư lo lắng, tự nhắc nhở mình rằng thủ vai trò thay Trời, đại diện cho Trời về mặt hữu hình để phổ độ chúng sanh thì phải giống Trời, phải thực hành, ứng dụng chơn lý mà Đấng Cha Trời, Thầy Trời đã truyền dạy, gói gắm, giao phó để truyền trao lại cho nhơn sanh.

Nếu người thay Trời hoàng Đạo mà không giống Trời, không truyền trao đúng chơn lý Trời dạy, thì nhơn sanh không cảm nhận được Trời để mà tìm đến với Đấng Cha Trời.

Nếu người thay Trời đi truyền bá chơn lý mà không biểu hiện được chơn lý trong nếp sống cá nhân, nếp sống gia đình và nếp sống xã hội, thì nhơn sanh không thấy được chơn lý trong cửa đạo Cao Đài để tìm đến với chơn lý.

Nói cách khác, vì còn cái sai lẫn lộn với cái đúng, nên ánh

⁽⁶⁾ Thánh thất Tân Định, 15-8 Ất Ty (10-9-1965).

sáng chơn lý chưa thuần nhứt và chưa chiếu xa, hấp lực về đức tin chưa tỏa rộng, do đó *đanh Thầy* chưa mấy sáng, *đanh Đạo* chưa mấy rạng.

Chúng ta không quên huấn từ của Đức Mẹ: “*Trời đất không riêng, đạo lý có một. Đã là có một thì không riêng, mà tư riêng là không còn một của đạo lý nữa.*”⁽⁷⁾

Đức Mẹ cũng đã dạy:

“*Cũng thời một cõi lòng thiết tha thương Thầy mến Đạo, con nào cũng muốn sáng đanh Thầy, rạng đanh Đạo, nhưng chính trong mỗi con còn thiếu những điều kiện và hoàn cảnh, do đó là một trở ngại rất lớn.*”⁽⁸⁾

Những điều kiện Đức Mẹ nói đây là điều kiện giống hay không giống Thầy, hành đúng hay không đúng chơn lý.

Tôn ý của Đức Mẹ về điều kiện thể Thiên hoàng Đạo, điều kiện *làm sáng đanh Thầy, rạng đanh Đạo* đã rõ ràng. Chúng ta cần xác tín rằng vấn đề rất quan trọng, đồng thời cũng rất đơn giản, không khó giải quyết nếu lòng người chức sắc và tín đồ thật sự tinh ngộ, quyết tâm thực hành chơn lý để mọi người đến với chơn lý. Vừa quyết tâm cũng vừa an tâm, bởi người có trình độ về giáo lý đã học và hiểu rằng cố gắng phá vỡ điều xấu để xây dựng điều tốt *không đòi hỏi* người tu hành phải gia công nỗ lực liên tiếp suốt hai chặng đường. Trên thực tế, phá vỡ điều xấu và xây dựng điều tốt là hai hệ quả đối đãi nhau một cách tự nhiên: dẹp được điều xấu thì điều tốt xuất hiện, và ngược lại, cố gắng làm được điều tốt thì điều xấu rút lui dần.

Trong mấy đoạn huấn từ của Đức Mẹ trích dẫn trên đây, Đức Mẹ có nhắc lại câu *Nhân dục tịnh tận, Thiên lý lưu hành*.

⁽⁷⁾ Chơn Lý Đàn, 15-8 Ất Ty (10-9-1965).

⁽⁸⁾ Hườn Cung Đàn, 29-8 Ất Ty (24-9-1965).

(Khi nhân dục được dẹp yên thì Thiên lý được khai thông, hướng tâm con người về Chân, Thiện, Mỹ.)

Trong chiều hướng ngược lại, Đức Mẹ dạy:

“*Con hãy học đức từ bi của Phật, bác ái của Tiên, công bình của Thánh, cùng hợp ý chung tâm để tìm lẽ Đạo, thì tất nhiên điều sai lạc sẽ được phô bày tỏ rõ.*”⁽⁹⁾ Ta hiểu: Điều sai lạc sẽ được phô bày tỏ rõ để mà tránh, mà chừa.

Mây đen có che án mặt trời làm mất ánh sáng chói chang, thì cần một cơn gió mạnh để dẹp tan mây. Mây đã tan thì vàng thái dương liền lộ dạng chiếu sáng bầu trời.

Cũng một thể ấy, mỗi người đều có Thiên tánh Trời phú cho với ánh sáng lương tâm soi đường, nhưng nơn dục là đám mây đen che mờ. Nếu con người biết dẹp yên, trừ khử nơn dục thì tự nhiên ánh linh quang của Thiên tánh, của lương tâm liền chiếu rọi, con người không cần phải nhọc sức tìm kiếm nguồn ánh sáng.

Nơn dục rút lui, Thiên lý đến. Tà tâm khuất, thánh tâm hiện. Thật vui mừng biết bao, vì Đức Chí Tôn từng dạy: “*Con có thánh tâm sẽ có Thầy.*”⁽¹⁰⁾

Giờ đây con người thể Thiên hoàng Đạo không những giống Thầy theo luận lý “*con Thầy thì phải giống Thầy*”,⁽¹¹⁾ mà còn đã hãn có Thầy ngự trong tâm mình để trông nom và soi đường cho đời sống hợp chơn lý, hợp Đạo của một hành giả. Con người thể Thiên hoàng Đạo bây giờ có Thầy, có Đạo trong tâm, tất có đủ điều kiện nội tại để làm sáng đanh Thầy, rạng đanh Đạo.

⁽⁹⁾ Chơn Lý Đàn, 15-8 Ất Ty (10-9-1965).

⁽¹⁰⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-01 Đinh Ty (04-3-1977).

⁽¹¹⁾ Đức Chí Tôn, Hườn Cung Đàn, 30-5 rạng 01-6 Nhâm Dần (01-7-1962).

Nếu mỗi chức sắc và tín đồ tinh tấn nắm vững và đạt được bí quyết thành công này của người thế Thiên hoàng Đạo thì có lo gì Đạo chẳng thành. Thật vinh hiển biết bao những ai có được Thượng Đế ngự nơi tâm mình, và khi có Thượng Đế ở cùng mình thì có khó khăn trở ngại nào mà chẳng vượt qua, có đường xa nào mà đi chẳng tới.

Được Thượng Đế ở cùng mình, hành giả không những vừa cảm thấy được vinh dự, phần khởi, vừa tự cảm thấy mình cần trở nên nghiêm chỉnh, thận trọng, tu hành đàng hoàng hơn, mà còn cảm nhận được điều phúc hạnh: Đời sống tu hành xứng đáng đã tôn cao Thượng Đế cho hơn sanh trông thấy Thượng Đế để mà ngưỡng mộ, tôn thờ. Đó là ý nghĩa làm *sáng danh Thầy, rạng danh Đạo* mà người tín đồ Cao Đài phải hằng tâm tâm niệm niệm.

Xin kết thúc bài này với lời kêu gọi của Đức Mẹ:

*Tu đi con! Giữ lòng bác ái,
Tu đi con! Gây lại tình thương,
Kêu nhau chung bước một đường,
Đừng phân màu sắc khác thường trắng đen.*⁽¹⁾

Và lời khuyên răn của Đức Chí Tôn:

*Con Thầy thì phải giống Thầy,
Giống Thầy ở chỗ đủ đầy thương yêu.*⁽²⁾

⁽¹⁾ Hườn Cung Đàn, 29-8 Ất Tỵ (24-9-1965).

⁽²⁾ Hườn Cung Đàn, 30-5 rạng 01-6 Nhâm Dần (01-7-1962).

Khai Minh Đại Đạo

Đạo Cao Đài được Đức Chí Tôn Thượng Đế khai mở trên đất nước Việt Nam đầu năm Bính Dần (1926), khai chuyển chu kỳ cứu thế lần thứ ba, tức Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Một cuộc lễ vô cùng long trọng mệnh danh *Khai Minh Đại Đạo*⁽³⁾ được dự kiến tổ chức trong ba ngày, từ Rằm tháng 10 năm Bính Dần (19-11-1926) đã kéo dài tới ba tháng, và có thể còn lâu hơn nữa nếu không được Ôn Trên dạy chấm dứt cuộc lễ vào Rằm tháng Giêng. Lý do phải kéo dài ba tháng vì có đông đảo thiện tín, đạo tâm từ các nơi tấp nập kéo về Tây Ninh dự lễ, nối tiếp ngày này sang ngày nọ không dứt, chẳng những từ miền Nam và Trung Việt, mà còn từ nước láng giềng Cao Miên sang. Chính trong thời gian này Đức Chí Tôn đã giáng cơ ban *Pháp Chánh Truyền* cho nền tôn giáo, và đây cũng là cơ sở để các tiền bối khai Đạo cùng nhau lập thành *Tân Luật* Cao Đài (1926) theo đúng lễ Thiên nhơn hiệp nhất.

Lễ Khai Minh Đại Đạo ngày Rằm tháng 10 năm Bính Dần quả là một biến cố lớn, và theo thánh huấn của Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc thì:

“Mỗi một biến cố, một hoạt động trên lịch sử đều mang

⁽³⁾ *Khai minh* là làm cho sáng tỏ, giúp mọi người hiểu biết, không còn u tối, đốt nát (vô minh). *Khai minh Đại Đạo* là làm cho mọi người đều biết tới Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ (nói tắt là Cao Đài, là Đại Đạo).

mặc một mục đích để đạt đến kỳ vọng cao siêu. Những người đi sau phải thấu hiểu lòng thể hiện hoặc thâm sâu của công cuộc, ngõ hầu đồng nhất, quyết tâm tiếp nối sứ mạng của người đã đi qua và đã nằm xuống. Đừng thiên cận quên mất để cái giá trị đó chôn vùi theo thời gian, theo những hời hợt của dòng đời.” ⁽⁴⁾

Hàng năm, mỗi khi thiết lễ kỷ niệm ngày Khai Minh Đại Đạo, trộm nghĩ cũng cần ngó ngoái lại đoạn đường đã qua, để thử tự nhận xét và đánh giá xem người tín đồ Cao Đài chúng ta đã hiểu Đạo và đã khai minh Đại Đạo được tới mức nào. Có được như vậy thì mỗi khi làm lễ kỷ niệm nào, việc làm ấy mới có ý nghĩa.

I. ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ VÀ TÔN GIÁO CAO ĐÀI

Ta phân biệt Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ khác với tôn giáo Cao Đài thế nào?

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là thời kỳ phổ truyền Đại Đạo lần thứ ba, là kỷ nguyên cứu độ lần thứ ba của Thượng Đế, với chiều hướng mới, phương pháp mới.

Chiều hướng mới đó là:

- Từ chiều hướng ngoại của nguon tranh đấu, ngoặt trở lại chiều hướng nội của nguon tái tạo.

- Từ chiều hướng ngoại của giai đoạn nhất bốn tán vạn thù, ngoặt trở về chiều hướng nội của cơ vạn thù quy nhất bốn.

Phương pháp mới đó là:

- Cao Đài xây dựng lại ý thức con người trong phạm trù sinh thành.

⁽⁴⁾ Thánh thất Nam Thành, 23-8 Canh Tuất (22-9-1970).

- Cao Đài khai phóng con người, vận dụng con người cho cuộc tái tạo dinh hoàn.

Lễ khai nguyên Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Chí Tôn đã chọn nơi, dụng cách, tạm lập thành trụ tướng trong buổi ban sơ năm 1926 tại Việt Nam, lập thành tôn giáo Cao Đài. Đức Chí Tôn dạy:

“Thầy sắp một thực tướng Tam Giáo cho các con hiểu rõ vạn giáo trên thế gian đồng nhất lý, ngõ hầu lập đời thánh đức sau Hội Long Hoa.” ⁽⁵⁾

Giữa người và người thì giáo lý Cao Đài truyền bá tinh thần huynh đệ đại đồng, năm châu chung chợ, bốn biển một nhà; giữa tôn giáo và tôn giáo thì vạn giáo nhất lý, đừng vì theo Phật thì cho Phật lớn, theo Trời thì cho rằng Trời cao; giữa tôn giáo và không tôn giáo thì tâm vật bình hành, bỏ tức cho nhau:

Duy vật đắp xây nền hữu tướng,

Duy tâm thánh thiện hóa con người. ⁽⁶⁾

Người tín đồ Cao Đài tâm niệm rằng đặc tính thứ nhất của giáo lý Cao Đài là tinh thần phá chấp, hiểu rằng mình chỉ tạm mượn cánh cửa tôn giáo Cao Đài để đi vào cái Đạo thực hành phá chấp (Đức Chí Tôn dạy rằng thậm chí cái danh Cao Đài cũng chỉ là tá danh ⁽⁷⁾ mà thôi), đi lần từ Cao Đài tôn giáo sang Cao Đài Đại Đạo, để huyền đồng với Đạo, đúng thực chất là Đạo.

Nét đặc thù của Đại Đạo trong Tam Kỳ Phổ Độ của đạo Cao Đài được biểu thị trong lời dạy của Giáo Tông Đại Đạo Thái Bạch Kim Tinh: *“Cao Đài không là Cao Đài, đó chính*

⁽⁵⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 30-9 Canh Tuất (29-10-1970).

⁽⁶⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 18-01 Tân Hợi (13-02-1971).

⁽⁷⁾ Tá danh: Tên gọi tạm mượn.

thị là Cao Đài.”⁽⁸⁾

Sẽ là một điều sai lầm khiến không thể khai minh được Đại Đạo, nếu có ai trong hàng ngũ chức sắc hay tín đồ Cao Đài chúng ta còn đóng khung hạn hẹp Đại Đạo vào cái vỏ tôn giáo, không vượt ra khỏi cái vỏ tôn giáo để cảm nhận Đại Đạo trong tâm kích vũ trụ bao la, một Đại Đạo thích hợp với con người vừa văn minh tiên tiến về mặt khoa học vật chất đồng thời cũng siêu việt thanh cao về mặt tâm linh, một Đại Đạo của trời đất cao vợi và thâm sâu của Thánh Hiền, Tiên Phật muôn thuở muôn đời.

Xin nhắc lại lời dạy của Đức Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ:

“Tôn giáo là chiếc xe hỏa, mà người hành đạo phải biết rằng mình là hành khách. Nếu chư hiền cho rằng mình là xe hỏa thì đầu thời gian cho đến cuối thời gian cũng chỉ đi lại trên con đường thiết lộ.”⁽⁹⁾

II. PHƯƠNG PHÁP CỨU ĐỘ KỲ BA CỦA THƯỢNG ĐẾ

Trước tình trạng con người tự chối bỏ giá trị con người, “Con người đã phản kháng chính con người mà tự con người không hay không biết.”⁽¹⁰⁾ Và từ đó: “Đối diện cùng nhau, con người không rung động trước sự đau khổ của con người đối nghịch. Con người bị quay cuồng vào giữa cơn gió lốc với bản chất thiếu nhân bản. Con người mù và điếc trước mọi âm hưởng của lương tâm và nhân bản. Con người say sưa trong cái cuồng bạo của bản năng, của tham vọng và đã đồng hóa

⁽⁸⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-01 Giáp Dần (06-02-1974).

⁽⁹⁾ Thánh thất Nam Thành, 01-01 Kỷ Dậu (17-02-1969).

⁽¹⁰⁾ Đức Vạn Hạnh Thiên Sư, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-4 Tân Hợi (09-5-1971).

con người chính danh với con người tối tăm tội lỗi đó.”⁽¹¹⁾ Đức Chí Tôn khai nguyên Tam Kỳ Phổ Độ, thành lập đạo Cao Đài để đặt mục tiêu giải quyết toàn bộ các bế tắc của nhân loại hiện nay.

1. Xây dựng lại ý thức con người trong phạm trù sinh thành

Trước hết, Cao Đài xây dựng lại ý thức con người trong phạm trù sinh thành, “khai quang điểm nhãn” cho con người bừng tỉnh lại, tự biết rằng trong xác còn có hồn, trong hồn còn có thần, tự nhận diện được chân giá trị của mình, biết mình là một tiểu linh quang từ một khối Đại Linh Quang (Thượng Đế) mà ra, có căn cốt Trời nội tại nơi tâm khảm mình... và từ đó biết mối dây liên hệ hữu cơ, nội tại, mà còn nối kết mình với muôn loài, muôn vật.

Con người, nhân vật chính trong bức tranh vạn thế của vũ trụ bấy lâu nay vì mất thần nên khiến cho bức tranh tựa hồ như nhuộm màu u tối, đượm nét tang thương. Nay nhân vật chính được khai quang điểm nhãn. Phục hồi ánh linh quang cho cả bức tranh vũ trụ, phục hồi giá trị của một bức tranh sinh động, có thần.

Thiên địa vạn vật nhất thể, theo đạo Cao Đài, đó là một nguyên lý, là chơn lý, chứ không phải là một quan niệm, một chủ trương hay một học thuyết.

Nguyên lý Thiên địa vạn vật nhất thể được minh xác qua thánh ngôn, thánh giáo:

a. Về mối liên quan giữa Trời và người, Đức Chí Tôn dạy:

⁽¹¹⁾ Đức Lê Đại Tiên, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 14 rạng 15-02 Canh Tuất (21-3-1970).

*Con là một thiêng liêng tại thế,
Cùng với Thầy đồng thể linh quang.*⁽¹²⁾

Hoặc:

*Thiệt là diệu diệu huyền huyền,
Trời người có một chẳng riêng khác gì.*⁽¹³⁾

Có một câu ngắn gọn mà có lẽ người tín đồ Cao Đài nên trầm ngâm mà suy nghĩ, mà lãnh hội lời dạy của Đức Chí Tôn:

“Thầy là các con, các con là Thầy.”⁽¹⁴⁾

Cũng bởi lẽ Thầy là các con, các con là Thầy nên chúng sanh đau khổ như chính Thầy đau khổ; chúng sanh ly tán như lòng Từ Phụ ly tan!

*Linh căn là hiện bản thân Thầy,
Một khối linh quang chiết xuống đây.
Chúng nó khổ đau Thầy cũng thế,
Làm sao sớm dứt cảnh tình này?*⁽¹⁵⁾

b. Về mối liên quan giữa Trời, người và vạn vật:

*Đạo là ngôi nhất nguyên chủ thể,
Đạo cũng là đồng thể vạn linh.*⁽¹⁶⁾

Hoặc, Đức Di Lạc Thiên Tôn dạy:

“Kìa nhìn qua tất cả vạn vật, hình thức khác nhau, danh tánh khác nhau, nhưng tựu trung vẫn có một điểm Đạo...”⁽¹⁷⁾

⁽¹²⁾ Thiên Lý Đàn, 14-01 Bính Ngọ (04-02-1966).

⁽¹³⁾ Đại Thừa Chơn Giáo, “Đại Đạo phục hưng, Cao Đài xuất thế”, đàn ngày 20-9 Bính Tý (1936).

⁽¹⁴⁾ Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 29-12 Bính Ngọ (08-02-1967).

⁽¹⁵⁾ Đức Chí Tôn, 10-7 Ất Ty (06-8-1965).

⁽¹⁶⁾ Đức Chí Tôn, Thiên Lý Đàn, 14-01 Bính Ngọ (04-02-1966).

⁽¹⁷⁾ Trúc Lâm Thiên Điện, 17 rạng 18-7 Canh Tuất (18-8-1970).

Như vậy, con người và vạn vật đều đồng bản thể với Đạo, với Trời. Chính từ cơ sở Thiên địa vạn vật nhất thể mà phát sinh chủ trương ái nhân ái vật. Tình huynh đệ đại đồng, theo đạo Cao Đài, không những chỉ là tình của người với người, mà chúng sanh vạn hữu đều là huynh đệ anh em, mau chậm, trước sau trên đường tiến hóa.

Đức Chí Tôn dạy:

“... các con là một trong vạn vật chúng sinh mà vạn vật chúng sinh là bản thể của Đạo, mà bản thể của Đạo tức là bản thể của Thầy. Các con có thương nhau tức là các con đã thương Thầy.”⁽¹⁸⁾

Đây là một trong những khía cạnh đẹp, thật đẹp của lý Thiên địa vạn vật nhất thể, và cũng là một điểm cao mà đạo Cao Đài chủ trương cho chúng sanh đạt tới.

2. Cao Đài khai phóng con người, vận động con người cho cuộc tái tạo dinh hoàn

Tự biết mình là ai, là gì, tức là biết được *nhân bản* của mình, con người sẽ nhờ đạo pháp và đạo lý để phục hồi nhân bản, và dùng *đạo đức nhân bản* trong tương quan nhân loại để cải tạo thế gian, xây dựng đời thánh đức.

Khai phóng tiểu linh quang để trở về cùng khối Đại Linh Quang (Thượng Đế), con người phải *tu tánh luyện mạng*, đó là vai trò của đạo pháp trong thời đại ân xá Kỳ Ba của Đức Chí Tôn Thượng Đế với phương pháp “ngọn đèn môi”, trực tiếp đem chơn thần đến mỗi linh căn. Con người được trợ duyên để quy nguyên phản bản, không để cho vật dục ngoại cảnh sai sử tâm linh, biết thoát ly vạn tướng, quay về tu luyện

⁽¹⁸⁾ Hội Thánh Hậu Giang Minh Chơn Đạo, Thiên Nguyệt Lâm Huyền Châu, 14-7 Kỷ Dậu (26-8-1969).

bản tâm, bản tánh để phục hồi chơn tâm, để thần của người hiệp cùng thần của Trời làm một (*Thiên nhân hiệp nhất*), đúng theo lời dạy của Đức Chí Tôn thuở ban sơ lập đạo Cao Đài:

“*Thầy đến đặng huờn nguyên chơn thần cho các con đắc đạo.*”⁽¹⁹⁾

Và như Đức Trần Hưng Đạo dạy:

*Chỉ một cái tâm, tâm vũ trụ,
Thoát ly vạn tướng phục nguơn thần.*⁽²⁰⁾

Nhưng trên tiến trình nhờ đạo pháp để khai phóng tiểu linh quang, con người còn nhờ đạo lý để khai phóng tâm trí mình khỏi những điều lầm lạc hằng câu móc, ngăn chặn, trì chậm bước tiến hóa của con người.

- Giáo lý Kỳ Ba dạy nhơn sanh vươn lên đúng tầm kích con người, rời bỏ mặc cảm tự ti, không còn lầm tưởng mình là vật thọ tạo thấp hèn, nạn nhân của một định mệnh khắt khe trên cõi thế, không còn lầm tưởng mình phải cầu khẩn van xin thần linh mới tránh khỏi họa, nhận được phước.

Người giác ngộ biết rằng Đạo Trời cho con người đầy đủ quyền tự do theo luật tắc vô tư của trời đất. Đức Chí Tôn đã từng dạy từ buổi khai Đạo:

“*Thầy không vì thương yêu các con mà bỏ lẽ công bình, dang tay bồng ẵm các con được. Vấn đề tự lập là vấn đề của các con phải lo đó.*”⁽²¹⁾

- Tiếp theo, đạo lý khai phóng con người khỏi điều lầm lạc tu theo lối ích kỷ, phé đời tâm đạo.

Từ thuở khai Đạo, Đức Chí Tôn dạy:

“*Trong các con có nhiều đũa lầm tưởng hể vào Đạo thì phải phé hết nhơn sự, nên chúng nó ngày đêm mơ tưởng một điều rất thấp thỏi là vào một chỗ u nhàn mà ẩn thân luyện đạo. Thầy nói cho các con biết, nếu công quả chưa đủ, nhơn sự chưa xong thì không thể nào các con luyện thành đặng đầu mà mong.*”⁽²²⁾

Nếu đạo làm người chưa xong thì mong gì trở thành Tiên, thành Phật. Người tu phải lo tròn đạo nghĩa đối với gia đình xã hội, với quốc gia dân tộc, với nhơn sanh. Đặc biệt, giáo lý Cao Đài chú trọng tới tình người với người, tới xã hội an lạc, tới thiên đường tại thế gian.

Đức Cao Triều Phát dạy:

- “*Thượng Đế không bảo ai hiến dâng những gì cho Ngài. Ngài vì nguyên căn, vì nhân loại mà khai Đạo cứu rỗi, dạy bảo con người phải hiến dâng cho nhau để tạo cảnh thiên đàng tại thế gian.*”⁽²³⁾

- “*Tu không phải chán đời ản dật. Tu bắt buộc phải mạnh dạn đi vào đời.*”⁽²⁴⁾

- “*Hãy lấy niềm vui khi làm cho kẻ khác. Hãy lấy làm hãnh diện khi xả thân cho tha nhân.*”⁽²⁵⁾

Đức Chí Tôn dạy rằng môn sanh Đại Đạo đều “*đồng chung một sứ mạng đem đạo giúp đời, đồng chung một nhiệm vụ là xây dựng một cõi thiên đường cực lạc tại thế gian trong đó lấy tình thương đạo đức, lấy lòng bác ái tương thân tương*

⁽¹⁹⁾ *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*, quyển 1, đàn ngày 25-02-1926.

⁽²⁰⁾ Minh Lý Thánh Hội, 01-9 Nhâm Tý (06-10-1972).

⁽²¹⁾ *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*, quyển 1, đàn ngày 15-4-1927.

⁽²²⁾ *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*, quyển 1, đàn ngày 05-3-1927.

⁽²³⁾ Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 08-7 Kỷ Dậu (20-8-1969).

⁽²⁴⁾ Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 08-7 Kỷ Dậu (20-8-1969).

⁽²⁵⁾ Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 08-7 Kỷ Dậu (20-8-1969).

trợ bảo tồn cho nhau.”⁽²⁶⁾

Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc dạy:

“Đại Đạo khai minh Kỳ Ba độ tận nhân loại trên mọi phương diện của cuộc đời.”⁽²⁷⁾

Nhưng người tín đồ không thể nói tới tình yêu nhân loại mà không có tình yêu quê hương đất nước mình, Tổ Quốc mình, đồng bào mình. Đức Cao Triều Phát từng nhắc nhở:

“Nếu các em chưa tìm hiểu lý tưởng, mục đích cao cả của đạo Cao Đài, cũng như nếu không biết đặt lý tưởng mình dung hợp với đạo Cao Đài để xây dựng những gì cao cả ích lợi thiết thực cho non sông Tổ Quốc, đạo lý và nhân loại, thì sự giữ đạo Cao Đài không ích lợi gì. Chẳng khác nào các em giữ một món đồ cổ trong muôn ngàn món đồ cổ khác.”⁽²⁸⁾

Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo đã dựa trên chứng tích lịch sử để dạy môn đồ Đại Đạo:

“Dầu danh lợi trước mắt, quyền uy trong tay, cũng vẫn xem như bọt bóng đầu gành, mây bay đỉnh núi. Tuy nhiên, người tu hành còn có bốn phận vi nhơn, nếu rộng ra thì vũ trụ là nhà, nhơn loại là anh em, mà tình là non sông cây cỏ, thân hẹp lại là gia đình, xã hội, dân tộc. Đến lúc cấp thiết cũng lo đỡ vạc nâng thành, cứu dân cứu nước, như Vạn Hạnh Thiền Sư đời Lý, Phù Vân Quốc Sư đời Trần trong lịch sử nước nhà của chư đệ muội. Những vị ấy giúp đời mà không nhân ngã, không danh lợi, khi xong việc cũng hài cô gậy tre, ung dung tiêu sái, nào có bận bã chi đâu!”⁽²⁹⁾

⁽²⁶⁾ Hội Thánh Hậu Giang Minh Chơn Đạo, Thiên Nguyệt Lâm Huyền Châu, 14-7 Kỷ Dậu (26-8-1969).

⁽²⁷⁾ Thánh thất Nam Thành, 23-8 Canh Tuất (22-9-1970).

⁽²⁸⁾ Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 08-7 Kỷ Dậu (20-8-1969).

⁽²⁹⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-01 Đinh Ty.

*

Trên đây là vai trò, tác năng của đạo pháp và đạo lý. Cần xác minh rằng đây không phải là hai lãnh vực được tách riêng một cách máy móc, mà luôn luôn có mối liên hệ hữu cơ với nhau, tác động qua lại trợ duyên cho nhau.

Hành đạo đúng theo đạo lý, làm tròn bốn phận vi nhân là tạo điều kiện trợ duyên cho công phu tu luyện. Ngược lại, sự tinh tấn trên đường đạo pháp giúp cho hành giả có được huệ năng, trí tuệ minh mẫn, tâm thần sáng suốt để hành đạo cho đúng Thiên lý, làm tròn bốn phận đối với đời, với Đạo.

Người tu tiến lãnh hội được đức hạo sanh của Thượng Đế, Thiên tánh mình sẽ thúc giục mình thọ lãnh sứ mạng thể Thiên hoằng Đạo, đem vạn thù sai biệt trở về nhất lý chơn tông, phụng sự đời, hướng dẫn vạn linh sanh chúng sống theo luật Trời, theo Đạo.

Có thể tổng luận: Cao Đài đem cái sức mạnh to tát của Đại Đạo vận dụng trong buổi hạ nguơn này, không phải để phủ nhận nhân thế, mà để nhất quán lại mọi sở vật thực tại, trong đó có con người ở trong chính cương vị của con người.

Trở về với nhân bản, đó chính là cơ sở để con người thống nhất lại chính mình (*tinh, khí, thần*), thống nhất với Thượng Đế (*Thiên nhân hiệp nhất*), thống nhất với nhân sanh (*thiên hạ đại đồng*). Đắc đạo, theo giáo lý Cao Đài, chính là đạt được trạng thái thống nhất toàn diện ấy, từ nội thân nội tâm tới tầm mức xã hội nhơn quần, thậm chí tới mức Trời, người và vũ trụ vạn vật.

*

Hằng năm ngày lễ Khai Minh Đại Đạo là dịp để người tín đồ Cao Đài tự kiểm, xem mình có giữ đúng hành động chơn truyền hay không, đã thật sự cống hiến được gì cho đời và cho Đạo.

Đạo cũng như đời, trong mỗi bước ngoặt đi lên đều gặp nhiều trở ngại do sức ì của cái cũ lỗi thời, do tập quán, do trình độ tiến bộ không đồng đều, do nhân tâm đa đoan đã làm thoái hóa một số người, làm mất uy tín chung của Đạo.

Trước tình trạng đó, Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo đã dạy:

“Phải mạnh dạn phá vỡ những gì lỗi thời, sai chơn lý hoặc sẽ hư đốn, mà xây dựng lại những điều gì hợp thời, đúng chơn lý, hầu gây nên sự nghiệp cao cả của Đại Đạo, của nhơn sanh.”⁽¹⁾

Vậy thì, thiết tha mong sao trong toàn Đạo có một quyết tâm tạo điều kiện hoàn thành sứ mạng cao trọng mà Thượng Đế đã ban trao cho dân tộc Việt Nam, đúng như lời dạy trên đây của Đức Giáo Tông: *“Gây nên sự nghiệp cao cả của Đại đạo”*, thật sự đóng góp vào sự phát triển đi lên của xã hội, đem lại hạnh phúc cho loài người về cả hai phương diện vật chất lẫn tâm linh.

⁽¹⁾ Thiên Lý Đàn, 15-6 Ất Tỵ (15-5-1965).

Kỷ Niệm Tái Thiết Vĩnh Nguyên Tự

1. Một chút lịch sử

Ngôi Vĩnh Nguyên Tự được Đức Thái Lão Sư Lê Đạo Long (thế danh Lê Văn Tiêng, 1843-1913) khai sáng năm Mậu Thân (1908) ở làng Long An, quận Cần Giuộc, tỉnh Chợ Lớn. Đây là chùa Phật của chi Minh Đường.

Nguyên lai Đức Thái Lão Sư Lê Đạo Long tu theo Minh Sư. Chùa Minh Sư gọi là Phật Đường, thường là nơi che giấu nghĩa quân chống Pháp. Có thể do tránh sự bắt bớ, đàn áp của quân Pháp nên sang đến đời Đức Thái Lão Sư Lê Đạo Long, thì bốn chữ *Minh Sư Phật Đường* rút gọn thành *Minh Đường* chăng? Đây là một giả thuyết tạm nêu ra để các nhà nghiên cứu sử Đạo lưu ý, vì hầu hết đều không rõ lý do xuất hiện chi Minh Đường, nguồn gốc thế nào, và vì sao chỉ có ở làng Long An với Vĩnh Nguyên Tự trong lúc chi Minh Sư thì lan rộng khắp hai miền Trung Kỳ và Nam Kỳ.

Đức Thái Lão Sư Lê Đạo Long xưa kia (quả vị là Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn) lúc còn tại thế đã tiên tri sứ mạng Vĩnh Nguyên Tự trong thời khai đạo Cao Đài nên Ngài đã di chúc cho con cháu và môn sanh sau này hãy dùng Vĩnh Nguyên Tự làm phương tiện cho các tiên khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ hồng giáo. Năm 1970, có lần Đức Chơn Nhơn xác nhận sứ mạng dọn đường của Ngài như sau:

“Xưa kia, Lão lập Vĩnh Nguyên Tự để tu niệm và gây dựng một số hành trang dành để chờ đợi đoàn người sứ mạng Tam

Kỳ Phổ Độ tạm dừng chân để lãnh số hành trang ấy làm vốn liếng đi trên quãng đường gay go khó khăn giữa thời mạt pháp, ngõ hầu hoàn thành sứ mạng đã thọ lãnh chốn Thiên cung.”⁽²⁾

Chính vì lẽ nhiệm mầu ấy, đến tháng Giêng năm Bính Dần (tháng 3-1926) thì con trai của Ngài Lê Văn Tiêng là Lê Văn Lịch (1890-1947) đã tuân thánh ý, thuận cơ Trời mà mau lẹ quy hiệp đạo Cao Đài.

Vĩnh Nguyên Tự từ xưa đến nay tuy vẫn giữ nguyên hình dáng một ngôi chùa Phật nhưng rất vinh diệu là di tích thứ hai của lịch sử khai đạo Cao Đài. Di tích thứ ba là thánh thất Cầu Kho đã mai một nên về sau thay bằng thánh thất Nam Thành (quận 1, Sài Gòn). Di tích thứ tư là chùa Gò Kén (Thiền Lâm Tự, làng Long Thành, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh).

Nói về hai di tích đầu tiên, Đức Đông Phương Chương Quán dạy:

“Chí Tôn đã dùng một di tích đầu tiên nơi Dương Đông (Phú Quốc) và đã truyền giao cho Ngô Văn Chiêu nhận lãnh dấu hiệu Thiên Nhân để làm biểu tượng thờ phượng trong đạo Cao Đài từ ấy đến nay.

“Di tích thứ hai là Vĩnh Nguyên Tự. Chí Tôn đã dùng nơi này thu nhận những sứ đồ trung kiên làm nòng cốt ban phong Thiên sắc để nhận lãnh công việc khai Đạo truyền bá giáo lý trong Tam Kỳ Phổ Độ. Nơi đây đã là nơi Chí Tôn lập các kinh điển, luật pháp Đạo trong buổi sơ khai.”⁽³⁾

Trải qua sáu thập niên dài dàu mưa nắng, ngôi chùa xưa xuống cấp, hư hỏng quá nhiều. Cuối xuân Canh Tuất (tháng

4-1970), Đức Chí Tôn ban ơn cho họ đạo Vĩnh Nguyên Tự hiệp sức chung lòng cùng Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý xúc tiến công cuộc tái thiết Vĩnh Nguyên Tự. Mọi việc lớn nhỏ từ lúc khởi công cho đến khi hoàn tất, làm lễ khánh thành, thầy thầy đều thuận theo lẽ Thiên nhân hiệp nhất.

Thật vậy, chính Đức Chí Tôn chọn ngày 13-3 Quý Sửu (06-4-1973) để làm lễ khánh thành công cuộc tái thiết Vĩnh Nguyên Tự, diễn ra trong ba ngày 13, 14 và Rằm. Công cuộc tái thiết này được Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn (năm 1970) gọi là “*gây dựng lại ngôi nhà lịch sử*”.⁽⁴⁾

Sau ba mươi bốn năm, nhân kỷ niệm ngày tái thiết Vĩnh Nguyên Tự, hôm nay chúng ta có dịp ôn học ý nghĩa lịch sử và giá trị đạo lý huyền nhiệm của *ngôi nhà lịch sử*. Quan trọng hơn hết là từ chỗ ôn cố tri tân, chúng ta rút ra bài học sống động áp dụng cho Vĩnh Nguyên Tự để quật khởi tinh thần và sức mạnh của họ đạo này sao cho khỏi phụ lòng kỳ thác của tiền nhân, sao cho khỏi tụt hậu so với Thiên cơ.

2. Ý nghĩa thiêng liêng của ngày khánh thành 13-3

Như đã nhắc trên đây, chính Đức Chí Tôn chọn ngày 13-3 Quý Sửu (06-4-1973) để làm lễ khánh thành công cuộc tái thiết Vĩnh Nguyên Tự. Tuy nhiên, lúc ấy công trình chưa kịp hoàn tất, một số công trình phụ hầy còn dang dở. Lý do vì sao không thể hoãn lại đã được Đức Đông Phương Chương Quán dạy rõ như sau:

“Chí Tôn Thượng Đế đã chọn ngày an vị khánh thành sắp tới đây để các sứ đồ con cái của Ngài ôn nhớ lại kỷ niệm thời kỳ khai nguyên lập Đạo. Vì tác dụng, nhu cầu cho việc truyền bá đạo pháp cứu độ quần sanh, chỉ nên ngày 13 tới đây, nếu

⁽²⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 20-3 Canh Tuất (25-4-1970).

⁽³⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 20-02 Quý Sửu (24-3-1973).

⁽⁴⁾ Vĩnh Nguyên Tự, 06-8 Canh Tuất (06-9-1970).

vì lý do các cơ sở tả hữu, tiền hậu phụ thuộc chưa kịp dựng nên hình, rồi đình hoãn lại, ắt phải trễ thêm một niên kỳ nữa, là ngày 13 tháng 3 năm Giáp Dần, e sẽ lỡ hết các cơ hội.

“Thế nên, trong phạm vi hiện hữu với khả năng cố gắng tối đa của nhơn sanh chỉ tới chừng ấy, Chí Tôn vẫn cho phép hành lễ trong năm này để kịp thời sử dụng trong công cuộc cứu rỗi.”⁽⁵⁾

Như thế, ngày khánh thành tái thiết Vĩnh Nguyên Tự vào 13 tháng 3 âm lịch có ý nghĩa thiêng liêng về mặt đạo pháp. Đức Đông Phương Chưởng Quân dạy chi tiết như sau:

“Chư hiền đệ muội có biết tại sao Chí Tôn Thượng Đế đã chọn ngày 13 tháng 3 để cử hành cuộc lễ đó chăng? Sao lại không chọn thời gian khác để có đủ thì giờ chu toàn công việc tái thiết được hoàn mỹ thêm hơn?”

“Để khỏi mất thì giờ, Bản Đạo giải thích về đạo số cho chư hiền được rõ.

“Ngày 13 tháng 3 tiền khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Chí Tôn đã chọn ngày ấy phong thánh cho tam vị đại thiên phong chức sắc đầu tiên. Đó là Thượng Trung Nhật Lê Văn Trung, Ngọc Lịch Nguyệt Lê Văn Lịch, Hộ Pháp Phạm Công Tắc.

“Ngày 13 tháng 3 cũng là ngày Chí Tôn Thượng Phụ đầu hồi người Anh Cả tín hữu Cao Đài. Đó là Ngô Văn Chiêu.

(...)

“Ngô Văn Chiêu là một Anh Cả trong thập nhị tông đồ đầu tiên. Ngô Văn Chiêu đã kiến nhận và tiếp lãnh dấu hiệu Thiên Nhân. Nói về lý số Thiên Nhân là con số 1, tượng trưng cho ngôi Thái Cực.

⁽⁵⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 20-02 Quý Sửu (24-3-1973).

“Kể đến lập thành lưỡng nghi nơi Vĩnh Nguyên Tự. Đó là nhật nguyệt âm dương.

“Từ Thái Cực biến Lưỡng Nghi trở thành cái pháp sanh hóa muôn loài vạn vật mà cái pháp ấy Hộ Pháp đã tượng trưng.”⁽⁶⁾

Như thế, thánh giáo giúp cho ta hiểu rằng khánh thành công cuộc tái thiết Vĩnh Nguyên Tự cũng là để kịp thời tạo nên một trụ tướng hữu hình làm cái lý huyền diệu cho dòng đạo pháp sinh hóa trường lưu hầu cứu rỗi chúng sinh trong Kỳ Ba ân xá.

Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn dạy:

“Vĩnh Nguyên Tự ngày nay được tái thiết bằng những tấm lòng thiết tha vì đạo nghiệp. Dầu rằng chưa được hoàn thành trọn vẹn, nhưng cũng tạm gọi là thành, và khánh thành cho đúng với máy Trời xây chuyển tận độ Kỳ Ba.”⁽⁷⁾

Vậy, bài học thứ nhất rút ra là gì? Phải chăng, một khi họ đạo Vĩnh Nguyên Tự hôm nay vượt qua được những lẽ thường tình, thoát khỏi vòng trói buộc của vật chất, thì sẽ đủ sức huyền linh để phát động hiệu quả vị thể *lưỡng nghi sanh hóa* của mình. Như thế cũng có nghĩa là phù hợp Thiên cơ, tuân hành đúng thánh ý, làm đẹp lòng tiền nhân gởi gắm và ơn phước của Đức Chí Tôn chan rưới.

3. Ý nghĩa của việc rút băng khánh thành tái thiết Vĩnh Nguyên Tự

Khi khánh thành công cuộc tái thiết Vĩnh Nguyên Tự, thay vì tục lệ cắt băng khánh thành quen thuộc trên thế gian, Ôn

⁽⁶⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 20-02 Quý Sửu (24-3-1973).

⁽⁷⁾ Vĩnh Nguyên Tự, 10-3 Quý Sửu (12-4-1973).

Trên dạy làm nghi thức rút băng khánh thành, đáng nói là hy hữu. Tại sao không cắt băng mà lại rút băng?

Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn dạy:

“Chư hiền đệ, hiền muội xa gần chung nhau bồi đắp nền tảng Đạo để hữu dụng tương lai. Đó cũng là một sợi dây liên hệ chặt chẽ khiến cho tiền đồ Đại Đạo càng được vững vàng bởi cội gốc được vững bền.” ⁽⁸⁾

Như thế, cắt băng cũng đồng nghĩa cắt đứt “sợi dây liên hệ chặt chẽ” mà Đức Chơn Nhơn đã nói đó. Còn rút băng hàm ngụ ý nghĩa tháo gỡ những gút mắc, rối rắm cho tình đạo hanh thông, tình đời suôn sẻ.

Trên phương diện hòa đồng tôn giáo, dung hợp tín ngưỡng, Đức Giáo Tông Vô Vi Lý Thái Bạch minh giải ý nghĩa sâu kín của việc rút băng khánh thành như sau:

“Còn sang ngày Rằm. Cười. Chương trình đã in có ghi chữ rút băng, nhưng chư hiền phân vân chưa biết rút băng hay nên cắt băng. Nếu Ban Tổ Chức không thỉnh ý Thiêng Liêng cứ noi theo cựu lệ mà hành thì cũng tốt. Nhưng tâm nguyện hỏi thì Bản Đạo cũng góp ý để tùy chư hiền linh động.

“Theo ý Bản Đạo, nếu được, nên làm băng thắt thành hoa có tám cánh, nhưng phía dưới thông ra bốn mối. Bốn mối đó dành cho đại diện Tứ Giáo xu hướng tín ngưỡng: Một là Phật Giáo, có vị thượng tọa. Hai là Tiên Giáo (Đạo Giáo, Lão Giáo cũng thế), có thể mối này do Tổng Lý Minh Đạo rút. Mối khác nữa đại diện Không Giáo. Mối chót do đại diện Thiên Chúa (Ki Tô) rút.” ⁽⁹⁾

Ngoài ra, để thể hiện lý đạo của hình ảnh “sợi dây liên hệ

chặt chẽ”, Đức Đông Phương Chương Quán khuyên hãy thành lập một Ban Tổ Chức hỗn hợp cho lễ khánh thành, thay vì chỉ gồm những người địa phương. Đức Đông Phương Chương Quán dạy:

“... Bản Đạo khuyên Thường Vụ Cơ Quan đứng ra mời các tổ chức bạn để cùng phối hợp tinh thần trong Ban Tổ Chức. Các khối ấy gồm có Hội Thánh Truyền Giáo, Minh Lý Thánh Hội, Giáo Hội Tiên Thiên cùng chư hiền Thường Vụ soạn thảo chương trình phối hợp hành sự. Có như vậy để nói lên ý nghĩa Vĩnh Nguyên Tự là của chung, là một mắt xích trong sợi dây xích Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.” ⁽¹⁰⁾

Nếu Vĩnh Nguyên Tự là “của chung” thì ắt có người không hiểu vì sao hơn bốn mươi năm qua Vĩnh Nguyên Tự luôn luôn gắn bó với Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, kể cả quá trình tái thiết cũng như duy trì và phát triển sau này.

Quả thật, Cơ Quan chẳng phải là một hội thánh, thậm chí cũng chẳng phải là một thánh thất, nên Cơ Quan đóng vai trò mặc nhiên là “trung tính” (*neutre*), là không chi phái. Đó là lý do Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, vị Tổ khai sáng Vĩnh Nguyên Tự, đã khuyên lớp hậu duệ của Ngài ở Vĩnh Nguyên Tự như sau:

“Vậy trong sự tái thiết chánh danh chánh nghĩa, các cháu hãy tựa hẳn vào toàn Đạo để khởi điều dư luận thị phi, mà điểm tựa chánh là Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý. Lão cũng nói rõ hơn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý ngày nay là đại đồng hiệp nhất, quy nhất, thống nhất, v.v...” ⁽¹¹⁾

Vậy, bài học thứ hai rút ra là gì? Phải chăng, khi thánh giáo đã xác định Vĩnh Nguyên Tự “là của chung, là một mắt

⁽⁸⁾ Vĩnh Nguyên Tự, 06-8 Canh Tuất (06-9-1970).

⁽⁹⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 04-3 Quý Sửu (06-4-1973).

⁽¹⁰⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 20-02 Quý Sửu (24-3-1973).

⁽¹¹⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 20-3 Canh Tuất (25-4-1970).

xích trong sợi dây xích Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ”, là nơi thể hiện tinh thần dung hòa, thống nhất các xu hướng tín ngưỡng... thì người Vĩnh Nguyên Tự thấu hiểu rằng thánh sở này không là tài sản riêng cho dòng tộc mà là của chung cho toàn Đạo. Nói cách khác, khi mà ai ai cũng đều nghĩ suy theo tầm nhìn quảng đại đó, thì ắt hẳn Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn sẽ vô cùng đẹp dạ.

4. Tại sao một thánh sở Cao Đài như Vĩnh Nguyên Tự mà vẫn mang hình dáng một ngôi chùa Phật?

Từ khi quy hiệp Cao Đài (1926) và đến khi tái thiết (1970-1973), Vĩnh Nguyên Tự trước sau vẫn mang hình dáng một ngôi chùa Phật. Thậm chí, không gọi tên thánh thất Vĩnh Nguyên, mà cứ giữ hoài chữ *Tự* (là chùa). Tại sao như thế?

Nói theo luân lý thế gian, đó là ghi nhớ nguồn cội xuất phát ban sơ, vì Vĩnh Nguyên Tự vốn là chùa thờ Phật.

Nhưng xét về lý Đạo sâu xa, Ôn Trên giữ hình tướng chùa Phật và giữ hình danh ở chữ *Tự* để *phá bệnh chấp tướng, phá bệnh chấp danh* của thế gian, đưa con người vươn lên tới chỗ vô tướng vô danh, vô phân biệt của Đại Đạo.

Về danh xưng Vĩnh Nguyên Tự, Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn dạy:

“Vĩnh Nguyên Tự là một danh từ cũng như bao nhiêu danh từ khác, mượn danh từ để miêu tả ý Đạo.”⁽¹²⁾

Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn dạy tiếp:

“Còn nói về cái tướng của ngôi chùa cũng vậy. Đó chỉ là tạm mượn hình tướng để diễn tả cái lý Đạo. Ngôi chùa Phật thờ theo nghi tiết trong Đại Đạo, đại diện các tôn giáo đến

rút băng khánh thành. Người tín hữu Minh Sư đọc kinh Cao Đài và lập đàn cơ thỉnh Tam Giáo Tổ Sư dạy đạo đến khi quy liểu đắc vị Thần Thánh Tiên Phật. Những cái dị biệt về hình tướng danh từ còn có nghĩa gì trước cái chơn lý đơn thuần tự nó không giới hạn không phân ranh.”⁽¹³⁾

Nếu đã lãnh hội lý Đạo cao siêu qua lời dạy của Đức Chơn Nhơn, sẽ không còn ai phải thắc mắc vì sao trong Cao Đài có một thánh sở khác lạ như Vĩnh Nguyên Tự. Mọi người cũng từ đó hiểu thêm giá trị tinh thần rất to tát của Vĩnh Nguyên Tự. Giá trị ấy được Đức Giáo Tông Đại Đạo Thái Bạch Kim Tinh dạy rõ như sau:

“Sự tái thiết Vĩnh Nguyên Tự cũng như sự tái thiết các nơi khác cũng như nhau. Về vật chất và trụ tướng thì không có chi đáng nói. (...) Dầu nơi đây là một trong những khởi thủy cho giai đoạn tiền khai Đại Đạo, nhưng giá trị tinh thần của nó là ở chỗ phá chấp mọi dị đồng, mọi giai cấp.”⁽¹⁴⁾

Vậy, bài học thứ ba rút ra là gì? Phải chăng, khi thánh giáo đã xác định Vĩnh Nguyên Tự mang giá trị cao quý ở chỗ phá hình danh sắc tướng, thì họ đạo này càng cố gắng thể hiện cho được tinh thần siêu việt ấy. Như thế, trong quan hệ hành đạo với đời (xã hội), họ đạo càng được thấu hiểu và càng nhận được sự yểm trợ theo tinh thần đời đạo tương đắc. Đó là góp phần tạo nên một điều kiện thuận lợi cho công cuộc hành đạo vị nhơn sanh tại Vĩnh Nguyên Tự.

5. Ý nghĩa đích thực của công cuộc tái thiết Vĩnh Nguyên Tự

Học đạo, ai cũng hiểu hai chữ vô thường, ai cũng rõ luật thành trụ hoại không. Như vậy, tái thiết Vĩnh Nguyên Tự cốt

⁽¹³⁾ Vĩnh Nguyên Tự, 15-3 Giáp Dần (07-4-1974).

⁽¹⁴⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 12-4 Canh Tuất (16-5-1970).

⁽¹²⁾ Vĩnh Nguyên Tự, 15-3 Giáp Dần (07-4-1974).

yếu chẳng phải là nhắm vào chỗ phục hồi và duy trì một hình tượng cũ cho khỏi đổ nát.

Để giúp cho bản đạo thấy được ý nghĩa rất tương đối của một di tích lịch sử về phương diện vật chất hữu hình, Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn dạy:

“Lão thiết nghĩ vật chất hữu hình là của tạm bợ nơi cõi hồng trần, nếu còn lưu lại chẳng là trên dòng lịch sử.

(. . .)

“Xưa kia, Lão lập Vĩnh Nguyên Tự để tu niệm và gây dựng một số hành trang dành để chờ đợi đoàn người sứ mạng Tam Kỳ Phổ Độ tạm dừng chân để lãnh số hành trang ấy làm vốn liếng đi trên quãng đường gay go khó khăn giữa thời mạt pháp, ngộ hậu hoàn thành sứ mạng đã thọ lãnh chốn Thiên Cung. Nay giai đoạn của Lão đã xong, đoàn người sứ mạng cũng đã trở về trên cảnh cũ. Còn lại đây, nếu muốn giữ di tích ấy cho khỏi đứt quãng dòng lịch sử trong Đại Đạo thì cứ giữ, bằng không cũng sẽ như các sự vật trên đời này luân chuyển theo thời gian, chìm sâu trong quá khứ đó thôi.”⁽¹⁵⁾

Nhưng dòng lịch sử Đạo mà Đức Chơn Nhơn nói tới đó không nên hiểu là một lịch sử chung chung, trừu tượng. Vĩnh Nguyên Tự được tái thiết là để góp phần vào guồng máy Thiên cơ, nhằm cứu khổ chúng dân.

Đức Ngọc Lịch Nguyệt, một tiền nhân anh linh của Vĩnh Nguyên Tự, đã minh xác như sau:

“Dòng sử Đạo hay nói đúng hơn là dòng sử của một dân tộc được chọn trên thế giới ngày nay không phải chỉ nhắm vào những hình thức vĩ đại mà chính là ý nghĩa của nó phải tương xứng, không quá chênh lệch, cũng không phải chỉ để

bảo tồn hai tiếng lịch sử của nó, mà điều quan trọng hơn là bảo tồn vạn linh sanh chúng trong cơ cứu khổ sau Hội Long Hoa.”⁽¹⁶⁾

Vậy, bài học thứ tư rút ra là gì? Phải chăng, khi thánh giáo đã xác định tái thiết Vĩnh Nguyên Tự *không phải chỉ để bảo tồn hai tiếng lịch sử của nó, mà điều quan trọng hơn là bảo tồn vạn linh sanh chúng trong cơ cứu khổ sau Hội Long Hoa* thì nhân sự trách nhiệm của Vĩnh Nguyên Tự hôm nay và mai sau càng ra sức tu học cho xứng đáng với sứ mạng này. Nói khác đi, mỗi năm kỷ niệm tái thiết Vĩnh Nguyên Tự thì đòi hỏi với những người Vĩnh Nguyên thương Thầy mến Đạo, đây là dịp tự xét xem mình đã “tái thiết” con người chính mình đến mức độ nào ngộ hậu đủ sức gánh gồng đạo nghiệp cho xứng tầm sứ mạng cao quý của Vĩnh Nguyên Tự.

6. Làm sao tái thiết con người Vĩnh Nguyên cho xứng tầm sứ mạng cao quý của Vĩnh Nguyên Tự trên dòng sử Đạo?

Bài học thứ tư trên đây đặt ra cho chúng ta câu hỏi này. Trả lời được, thì đó lại là bài học thứ năm để chúng ta cùng chiêm nghiệm và thực hành.

Đức Giáo Tông Vô Vi Lý Thái Bạch đã giúp cho con người Vĩnh Nguyên nhận rõ đâu là giá trị cao quý đích thực của thánh sở này. Ngài dạy:

“Nơi đây đã thể hiện tinh thần thượng tôn luật pháp, dưới hạ mình độ chúng trong tình huynh đệ đại đồng. Nơi đây cũng đóng góp bao tâm tư, bao kinh nghiệm đạo lý để lại dòng sử Đạo cho hậu thế. Mà nơi đây cũng thể hiện tinh thần bất khuất, dám hy sinh thân thể cũng như sản nghiệp trước bạo lực khổng chế đàn áp của đương quyền lúc bấy giờ để

⁽¹⁵⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 20-3 Canh Tuất (25-4-1970).

⁽¹⁶⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 24-02 Quý Sửu (28-3-1973).

khai thông và phổ độ quần sanh trong thời lê dân thống khổ. Cái quý là ở chỗ đó, chớ quý chi những vật chất hữu thể hữu tướng trên cõi tạm này.”⁽¹⁷⁾

Vậy thì tiếp nối truyền thống xưa, để tái thiết con người Vĩnh Nguyên hôm nay trước tiên cần đảm bảo tuân thủ quyền pháp Đạo nghiêm minh và rèn luyện tinh thần buông xả tư lợi vật chất.

Năm 1973, trước ngày khánh thành tái thiết, Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn dạy con cháu họ Lê rằng:

“Về phần các cháu, hễ các cháu còn nhớ lời Lão khi xưa: ‘Truyền hiền bắt truyền tử.’ Không phải phủ nhận con cháu, mà muốn con cháu phải làm hiền mới xứng đáng là người noi đạo nghiệp.”

“Vĩnh Nguyên Tự là đạo nghiệp. Vậy thì của người đạo, người hiền, không phải của một họ, mà của trăm họ.”⁽¹⁸⁾

Nếu Vĩnh Nguyên Tự đích thực là của trăm họ thì mới mong có nhân tài đức độ chung lòng góp sức để phát triển cơ Đạo nơi đây. Muốn vậy, Vĩnh Nguyên Tự phải trở thành một nơi như dân gian vẫn nói: *Đất lành chim đậu*. Thật thế, Đức Thiện Trí Lê Minh Pháp từng nhắc nhở họ đạo Vĩnh Nguyên như sau:

“Vĩnh Nguyên là tàn cây đạo đức, cành lá có sum sê tươi tốt thì muôn chim mới đến ẩn mình. Bằng tàn lá xơ rơ trơ trọi thì muôn chim không tránh khỏi những cơn dông bão. Đã bao lần, trải qua bao thảm trạng rồi, và sẽ còn nữa, nếu đạo nghiệp nơi này chẳng dựng phục hưng.”⁽¹⁹⁾

⁽¹⁷⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 12-4 Canh Tuất (16-5-1970).

⁽¹⁸⁾ Vĩnh Nguyên Tự, 10-3 Quý Sửu (12-4-1973).

⁽¹⁹⁾ Vĩnh Nguyên Tự, 06-8 Canh Tuất (06-9-1970).

*

Khi ôn học thánh giáo xưa để đúc kết thành năm bài học vừa rồi và đem ra đây chia sẻ cùng họ đạo nhân ngày kỷ niệm tái thiết Vĩnh Nguyên Tự, lòng chúng tôi vô cùng lo sợ trước lời cảnh báo tâm huyết của Đức Thiện Trí Lê Minh Pháp (năm 1970): *“Đã bao lần, trải qua bao thảm trạng rồi, và sẽ còn nữa, nếu đạo nghiệp nơi này chẳng dựng phục hưng.”*

Tôi có phước được Đức Chơn Nhơn sớm nhận nhìn là đệ tử. Ngài bao phen nâng đỡ dìu dắt tôi cũng như từng gởi gắm đạo nghiệp Vĩnh Nguyên để tôi vinh hạnh hiệp sức chung lòng cùng quý đạo huynh, đạo tỷ nơi đây gánh vác.

Cảm đội ơn sâu của Đức Chơn Nhơn, xưa nay tôi luôn coi mình là một người ruột thịt của Vĩnh Nguyên. Vì thế, bài nói chuyện hôm nay, nếu như vì thiết tha với tiền đồ sứ mạng lịch sử của Vĩnh Nguyên Tự mà tôi có bày tỏ lời lẽ chi khiến quý huynh tỷ suy nghĩ, chạnh lòng... kính mong quý vị lượng tình đạo mạch thiêng liêng giữa cá nhân tôi với Đức Tôn Sư là Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, và cũng vì những thâm tình của tôi với Vĩnh Nguyên Tự bao nhiêu năm qua mà cùng hoan hỷ, thể tất cho tôi.

Vĩnh Nguyên Tự, 01-5-2007

Lỡ Một Chuyến Đò

Với bài viết này, chúng tôi thử đưa ra một thí dụ về một trong những việc thiết thực thiên nghi cần phải thực hiện: Tìm ra một trụ tướng hữu hình để tất cả chúng ta, bao gồm nhiều hội thánh gần xa, thánh sở đó đây, trong khả năng hiện hữu, chung tay góp sức chăm lo cho thế hệ đàn em hậu tấn, tức là thế hệ tiếp nối của Đại Đạo, là lực lượng kế thừa sẽ nhận lấy gánh đạo thay chúng ta.

Bấy lâu nay chúng ta đều ưu tư, lo lắng khi tuổi đời chúng ta càng cao và sức khỏe ngày càng mỏng. Việc đạo càng lúc càng chông chát, nhưng khi nhìn về lớp đàn em sẽ tiếp nối chúng ta gánh gồng việc đạo thì phải khiêm tốn nhìn nhận rằng hầu như đa số các nơi đều rất thiếu. Thiếu cả về số lượng lẫn thiếu về chất lượng.

Lo chung việc đạo thì chúng ta xót xa khi đối diện với thực trạng này đã kéo dài mấy chục năm nay. Do đó, từ lâu lòng tôi luôn suy tư tìm một biện pháp để anh chị em chúng ta ở khắp nơi gần xa đều có thể góp phần giúp con cháu nhà đạo chúng ta, ngoài phần trình độ đạo lý, còn có điều kiện học văn hóa tới nơi tới chốn. Các con cháu này có đủ tri thức tổng quát thì Đại Đạo mới có người giỏi giấn cẳng đáng việc điều hành và phát triển tổ chức.

Đặc biệt, việc truyền đạo khi xưa chủ yếu dựa trên căn bản đức tin, nhưng trong thời đại ngày nay việc truyền đạo không chỉ đơn giản như thế. Đức Cao Triều Phát dạy rằng lớp người truyền giáo thời nay “*cần phải nâng cao tầm mức giáo lý cho*

có triết học, khoa học, văn học, để tăng thêm tính chất hấp dẫn và phổ biến”.⁽¹⁾ Ngoài ra còn đòi hỏi phải thông thạo ngoại ngữ để truyền đạo cho người nước ngoài.

Từ lâu tôi luôn mơ ước các hội thánh, thánh sở cùng chung tay hiệp sức mở ra *chương trình khuyến học cho thanh niên Cao Đài*, bắt kể cha mẹ đám trẻ thuộc hội thánh nào.

Nhiều năm trước tôi biết có một thánh sở trong thành phố, đất đai rộng rãi. Một bậc Thiên ân chức sắc cao niên đang tu ở đó chia sẻ với tôi về tâm huyết, hoài bão xây dựng một *ký túc xá chung cho học sinh*,⁽²⁾ *sinh viên toàn Đạo, không phân biệt chi phái*. Khi bàn bạc với tôi, vị chức sắc này đồng ý với tôi rằng các cháu con nhà đạo, dầu nghèo vẫn sẽ được an tâm học hành tới nơi tới chốn nếu như chúng ta có một chương trình hiệu quả bảo trợ cho giới trẻ Cao Đài.

Về nhân sự. Chúng tôi thử hình dung rằng các hội thánh sẽ cùng cử đại diện để họp sức nhau điều hành ký túc xá. Tại đây, các cháu không những có điều kiện ăn ở tốt để an tâm lo học hành, mà còn được dịp hằng ngày gần gũi các bậc đàn anh đàn chị đạo đức để được rèn luyện về tác phong đạo hạnh, nuôi dưỡng ý thức sống đạo, sớm biết hướng về tâm linh. Như thế gia đình các cháu ở quê xa cũng yên lòng vững dạ, biết ơn hội thánh, mà hội thánh cũng làm tròn được phần trách nhiệm đối với con em nhà đạo, nuôi dưỡng được lực lượng tiếp nối, kế thừa cho hội thánh sau này.

Chúng tôi cũng hình dung rằng trong bốn năm gần gũi các cháu, quý vị đại diện hội thánh trong ban điều hành ký túc xá

⁽¹⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 11-02 nhuận Át Sửu.

⁽²⁾ Hằng năm, những học sinh Cao Đài ở các tỉnh về thành phố dự thi tuyển vào các trường đại học hay cao đẳng sẽ được ký túc xá cung cấp nơi ăn ở chu đáo (ăn chay) trong mấy ngày thi.

sẽ phát hiện được sinh viên nào có khả năng, có thiên chí hành đạo, muốn hiến thân để phụng Thiên sự dân, thì vị đại diện hội thánh trong ban điều hành ký túc xá sẽ giúp đỡ, sẽ tiến cử đúng những con người có phẩm chất tốt cho hội thánh tiếp tục đào tạo chuyên sâu hơn về giáo lý, nghi lễ, luật đạo... để sử dụng các tài năng trẻ sau này.

Về tình cảm. Khi chung sống và học tập bên nhau qua bốn năm, tình thân phát triển, các cháu sẽ chẳng còn xem trọng việc phân biệt mình xuất thân từ hội thánh A hay hội thánh B, mà chỉ biết mình là con chung của một đạo Cao Đài, một Đức Chí Tôn mà thôi. Sau này các cháu thành tài, đủ lông cánh trở về hội thánh làm việc, thì với tình cảm thuở chung sống tại ký túc xá sẽ giúp các cháu thích thú ngồi lại với nhau để làm chung việc đạo. Bây giờ chẳng cần ai thúc đẩy việc thống nhất nền đạo, mà con đường thống nhất nó sẽ tự nhiên đến, tự nhiên thành tựu và suôn sẻ.

Về thực hiện. Khi ấy, vị chức sắc đáng kính ở thánh sở nọ cũng như tôi đều khao khát phải làm sao “tiếp thị” ý tưởng này đến rộng khắp các hội thánh, thánh sở Cao Đài. Nếu như “nhứt hô bá ứng” thành công thì hơn dịp chuẩn bị tân tạo thánh sở mới, ban cai quản của thánh sở ấy sẽ chừa hai phần đất hai bên cạnh để xây dựng *ký túc xá sinh viên Cao Đài*, một bên cho sinh viên nam, một bên cho sinh viên nữ.

Chúng tôi hồi ấy đã thử ước tính *phương thức thực hiện*: Ví dụ như đạo mình có tối thiểu chừng hai triệu tín đồ tham gia chương trình này, và mỗi người chỉ công quả hai chục ngàn đồng⁽³⁾ thì ta sẽ có ngay bốn mươi tỷ đồng để thực hiện một công trình chăm sóc thể hệ tiếp nối cho Đại đạo, đó là

⁽³⁾ Xin tạm lấy giá cả như hiện nay cho dễ hình dung việc làm của chúng ta.

chưa kể những trường hợp có nhiều đạo tâm vừa sẵn có phương tiện tài chánh vừa rất nặng lòng với Đạo sẽ mau mắn tình nguyện góp phần công quả dồi dào hơn cái mức “cần bản” hai chục ngàn đồng nói trên.

Tiếc thay, chúng tôi dè dặt chưa biết “tiếp thị” ý tưởng xây dựng ký túc xá sinh viên Cao Đài ra sao hầu đạt được sự hưởng ứng của tất cả các hội thánh, bởi có sự đồng lòng chung sức thì việc làm mới có ý nghĩa. Nói như người đời, tức là chúng ta bị hoàn cảnh lịch sử chi phối, buộc ràng, thế nên mãi đến khi vị chức sắc đàn anh đáng kính ấy quy thiên, tôi vẫn chưa thấy tình hình chung có tín hiệu thuận lợi cho việc thực hiện hoài bão của mình.

Nay tôi tuổi đã cao, nhìn thấy hoàn cảnh kinh tế xã hội quá đắt đỏ, quỹ đất đai hao cạn và được định giá quá cao, tôi không khỏi ngậm ngùi tiếc cho một hoài bão ngày nào trót đã không thành. Nhớ nghĩ và tiếc về một ký túc xá cho con em nhà đạo chưa được thực hiện, tôi cứ băng khuâng và mãi day dứt với tâm trạng của kẻ trót *lỡ một chuyến đò*. Phải, tôi cứ nghĩ rằng mình đã *lỡ một chuyến đò* kể từ dạo ấy.

Giờ đây, khi chia sẻ chuyện cũ với quý đồng đạo và xác định rằng các em các cháu của mình vẫn còn đang rất cần một ký túc xá như thế, thì bỗng nhiên tôi nhìn thấy một *ý hướng tích cực*.

Phải, tôi không cho rằng *chuyến đò* năm nào trót *lỡ* là *chuyến đò* cuối cùng, *chuyến đò* chót hết. Nghĩa là chúng ta giờ đây vẫn hy vọng có cơ hội với một *chuyến đò* khác.

Cho nên hôm nay nhắc lại chuyện cũ, tôi bỗng thấy lạc quan và tin tưởng rằng khi xới lại hoài bão xây dựng ký túc xá cho con em nhà đạo, dầu hoàn cảnh xã hội có biến dịch, giá cả đất đỏ nhiều thế nào chẳng nữa, chúng ta vẫn có thể thực hiện được, miễn là các hội thánh, thánh sở chúng ta đồng

thuận, cùng thấy được tính chất vị nhân sinh trong đó, mà hơn thế, đây chính là kế sách lâu dài và thiết thực để nuôi dưỡng lực lượng nòng cốt kế thừa sự nghiệp đạo đức của từng hội thánh, thánh sở nói riêng, tức là của cả Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ nói chung.

Tôi đã đốt lên một que diêm nhỏ bé của mình. Tôi cầu nguyện và tin rằng quý anh lớn đáng kính ở các hội thánh, quý đồng đạo tâm huyết ở các thánh sở sẽ cùng đốt lên que diêm của mỗi vị để gom hết lại, chúng ta có ngọn đuốc sáng soi lối cho chúng ta đi đúng hướng. Đó cũng là lúc chúng ta hoan hỷ ngồi lại với nhau, bàn bạc và thống nhất một phương án thực hiện.

Ôi, thiết tha mong muốn sớm được như vậy thay!

Tạp chí Cao Đài
số 1, tháng 6-2009

Nghiệp Số

Bất kỳ trong xã hội nào trên hoàn cầu này, đều có cảnh trạng: Người thì nhà cao cửa rộng, tiền của dư ăn dư xài, kẻ lại bữa đói bữa no, áo mặc không đủ ấm, chẳng có được mái nhà để đụt nắng che mưa, phải tá túc nơi dạ cầu hay vỉa hè, hoặc lấy sạp chợ làm nhà... Người thì diện mạo khô ngô, sức khỏe dồi dào, kẻ thì hình dáng xấu xí, thân thể gầy yếu bệnh hoạn, hoặc cùi đui mù sứt, cầm điếc ngọng nghịu... Có người thông minh học giỏi, có kẻ ngu dốt dại khờ, v.v...

Trước những cảnh ngộ tương phản như trên, khách ngoài cuộc có cảm nghĩ gì? và chính người trong cảnh ngộ hẩm hiu thua thiệt, hằng ngày hằng đêm có suy nghĩ gì về nguyên nhân số phận của mình?

Xưa nay thiên hạ bảo rằng mỗi người có số phận riêng. Đúng, điều đó đúng, nhưng số phận con người do ai định?

I. Số phận con người không phải do Trời định, chính con người tự định lấy số phận cho mình

Cho tới ngày nay quan niệm nhân gian còn lắm mơ hồ và mâu thuẫn:

a. Nhiều người bị lâm vào cảnh làm than bèn cất tiếng gáy gất than trời trách đất, oán hờn Tạo Hóa sao nữ bất công thương người này bỏ người kia, v.v... Như thế họ lại mang thêm tội lỗi, làm nặng thêm nghiệp xấu của mình, đồng thời tự để mình rơi vào thế tiêu cực, nghĩ sai lầm rằng con người

làm sao cải được số Trời?

b. Chỉ có người giác ngộ nhờ có đọc hoặc được nghe đọc sách Thánh Hiền mới biết rằng mạng số tốt hay xấu, đều không do Trời định, mà chính là do cái *ngiệp* của mình tự tạo ra từ nhiều kiếp trước. Chính cái nghiệp đó, lành hay dữ, nhiều hay ít, nó quyết định cái số phận của mỗi con người trong kiếp hiện tại.

Nghiệp là gì? Là kết số những việc thiện hay ác mà con người đã gây ra và gặt hái từ tiền kiếp. Tương quan thiện ác ra sao, bên nào ít bên nào nhiều? Cộng trừ rồi mà ác nhiều, trả chưa xong thì bị ghi *nợ* để kiếp sau phải trả. Nếu thiện nhiều mà hưởng phước chưa hết thì được ghi *vốn tồn đọng* để kiếp sau hưởng tiếp. (Trên thực tế vì không có ai kêu ca về cái nghiệp lành, mà chỉ có kêu ca về cái nghiệp dữ đang phải trả, nên chữ nghiệp được đem ra giải thích để răn đời đó là nghiệp dữ.)

Cái nghiệp đeo đuổi theo, bắt con người phải trả, được gọi là *ngiệp báo*, chẳng ai chạy trốn đâu cho khỏi, dù bậc nguyên căn hạ phạm mà lầm lỗi thì cũng phải chịu cho nghiệp nó tác động. Đó là quy luật, là đạo lý.

Những điều chơn lý trên đây đều được các Đấng thiêng liêng dạy rõ trong thánh giáo Cao Đài.

Đức Chí Tôn dạy:

*Đời cũng có nghèo giàu cao thấp,
Tại nơi người tạo lập nó ra,
Rồi than, oán trách Trời già,
Không ngờ ta chác lấy ta cho nhiều.*⁽¹⁾

⁽¹⁾ *Đại Thừa Chơn Giáo*, “Quả báo luân hồi”, đàn ngày 25-8 Bính Tý (1936).

Đối với hàng nữ phái, Đức Mẹ Diêu Trì dạy:

*Cũng nhơn loại, cùng trường nữ giới,
Cũng núi sông, thời đại sống chung,
Đứa sao gác phụng lâu hồng,
Đứa sao lại chịu trong vòng thương đau.
Có phải chẳng nhân nào quả đó?
Trước vụng tu nay khó bằng người,
Lúc buồn con lại trách Trời,
Khổ đau con lại trách Trời bất công.*⁽²⁾

Đức Lê Đại Tiên dạy:

*Trời không thương ghét một riêng nào,
Họa phước do người muốn đổi trao,
Báo ứng nhơn tiền nhơn quả kết,
Dẫu thương Trời chẳng biết làm sao.*⁽³⁾

Đức Lê Đại Tiên giải thích rõ:

“*Một thí dụ đơn giản: Trời Phật Tiên Thánh là Đấng cầm cân công bằng, tỷ như một chủ nhà băng. Còn con người làm lành làm ác ví như khách hàng đối với nhà băng. Hễ gửi tiền vào nhiều được lãnh ra nhiều, gửi ít thì lãnh ra ít. Nhược bằng vay nợ nhà băng thì phải bị trừ lương hoặc là trát tòa tố tụng.*

“*Việc hữu hình thế gian tuy không phải tuyệt đối như thế giới vô hình, nhưng cũng có nhiều điểm và nhiều trường hợp tương đồng. Bởi vậy nên câu chữ Nho có nói ‘Đương gian âm phủ đồng nhưt lý’.*”⁽⁴⁾

Đức Diêu Trì Kim Mẫu có lần đề cập tới hạng người đội

⁽²⁾ Thánh thất Bình Hòa, 28-8 Đinh Mùi (01-10-1967).

⁽³⁾ Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 01-01 Quý Sửu (03-02-1973).

⁽⁴⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 29-7 nhuận Mậu Thân (21-9-1968).

lót tôn giáo, nhưng:

*Một bên lo lót Phật Tiên,
Một đàng lo tạo của tiền bất nhân.*⁽⁵⁾

Đức Mẹ thương nên dạy rằng:

*Thương hại thay cho đời mê tín,
Tưởng Phật ưa đũa nịnh như đời,
Không lo tu tánh kịp thời,
Nội tâm cải tạo thành người chí nhân.*⁽⁶⁾

Con người gặp nghiệp dữ khảo, chẳng những không nên trách Trời, mà cũng đừng kêu xin Trời cứu. Đức Chí Tôn dạy:

*Kêu Trời, Trời biết liệu làm sao,
Họa phước nơi con trước tạo đào,
Phước hưởng chẳng làm, gây họa nữa,
Có thương đứng ngó, liệu phương nào?*⁽⁷⁾

Huân từ của Đức Chí Tôn xác minh rằng vấn đề *ng nghiệp báo* là vấn đề *quy luật*, mà quy luật thì chẳng thiên vị, chẳng chừa một ai, Trời cũng không biết làm sao để can thiệp.

Một đoạn trên có nói rằng dù bậc nguyên căn hạ phạm mà làm lỗi thì cũng phải chịu cho nghiệp nó tác động, thì đây, thánh giáo Đức Vạn Hạnh Thiên Sư dạy:

*Đừng rằng đã có duyên lành,
Nguyên căn tá thế rồi sanh kiêu kỳ.
Đầu Tiên Phật từ bi bác ái,
Từ trên Trời sanh lại thế gian,
Nếu không tu tập mọi đàng,*

⁽⁵⁾ Thánh thất Nam Thành, 15-6 Tân Hợi (05-8-1971).

⁽⁶⁾ Thánh thất Nam Thành, 15-6 Tân Hợi (05-8-1971).

⁽⁷⁾ Đại Thừa Chơn Giáo, “Đạo đức”, đàn ngày 27-8 Bính Tý (1936).

*Trau giới linh tánh quy hoàn vị ngôi.
Thì vẫn bị luân hồi chuyển kiếp,
Tùy căn duyên quả nghiệp ít nhiều,
Thế nên người thế đùng kiêu,
Ráng tu ráng sửa sớm chiều luôn luôn.*⁽⁸⁾

Vấn đề số phận do nghiệp tự con người tạo ra cho mình, thiết nghĩ chơn lý đã rõ ràng. Nhưng sở dĩ tới ngày nay, một số không ít người, cả Đông lẫn Tây, vẫn còn lẩn cán, vẫn còn cho rằng số mạng là do Trời định trước (tiền định), Trời định sẵn, có lẽ là do chỗ hiểu lầm chữ nghĩa trong sách vở. Có lần Đức Lê Đại Tiên phân tích, giảng giải như sau:

“*Chư hiền đệ, hiền muội! Sách có ghi rằng: ‘Nhứt âm nhứt trác giai do tiền định’.* Nghĩa là một sự ăn uống nào cũng đều có số định trước. (...) *Cái lý ẩn tàng của câu đó là như thế này: Mỗi mỗi việc chi tại thế gian này mà mỗi người đang thọ hưởng hay đang chịu gánh lấy sự không may đều có số định. Số định nơi đây không có nghĩa rằng Trời đã đặt để cho người này như thế này, người kia như thế khác. Số định nơi đây có nghĩa rằng tất cả những sự chi đưa đến cho mình dầu việc ấy có xấu tốt, rủi may, lành dữ vui buồn đều do cái nhân chính của mỗi người tạo ra nó trong quá khứ hoặc xa hoặc gần. Bởi có cái nhân nên mới có cái quả hiện tại cho mình đang mang lấy.*”⁽⁹⁾

Xưa nay, những tên gọi *số phận*, *số mệnh* tự nó chẳng gây chút ý thức nào về nghiệp quả hay nghiệp báo, thỉnh thoảng lại bị những từ *tiền định*, *số định* đeo theo, khiến cho nhân thế hiểu lầm rằng số phận, số mệnh là do Trời định. Chi bằng ta theo thuyết chính danh của Đức Khổng, gọi một sự vật bằng

⁽⁸⁾ Minh Lý Thánh Hội, ngày 01-11 Tân Hợi (18-12-1971).

⁽⁹⁾ Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 09-5 Quý Sửu (09-6-1973).

một cái tên mang đủ và đúng ý nghĩa của nó. Vì vậy, chúng tôi mạnh dạn đặt nhan đề bài viết này *nghiệp số*, có nghĩa đơn giản mà chính xác là cái số phận của con người do cái nghiệp nó quyết định.

II. Con người được tự do và có khả năng cải biến nghiệp số xấu trở thành tốt, đã tốt lại tốt hơn

Bàn về *nghiệp số* thì không thể không đề cập hai luật *nhân quả* và *luân hồi*.

Chính do tác động của luật nhân quả mà nghiệp hình thành. Nhân lành quả lành, nhân ác quả dữ. Phước và tội do tư tưởng, lời nói và hành động của mỗi người đều được ghi không sót một cách mầu nhiệm, và mỗi bên lành dữ cứ như thế theo thời gian mà tích lũy. Quả lành chưa hưởng hết, quả dữ chưa trả xong trong hiện kiếp, thì *nghiệp* là bản kết toán, theo đó con người sẽ chịu luân hồi sinh tử để tiếp tục hưởng duyên lành hoặc trả nghiệp dữ ở kiếp lai sinh.

Phải biết sợ luật nhân quả, cố gắng tạo nghiệp lành, tránh tạo nghiệp dữ.

Trong thời mạt pháp này, trên thế giới còn quá nhiều người hung ác mặc dù họ đã được biết, được đọc trong sách vở lời giải thích về luật nhân quả, một vấn đề hết sức đơn giản, rất dễ hiểu, rất khoa học và thực tế. Gieo giống chi thì gặt giống nấy, trồng đậu thì hái đậu, trồng khoai thì được khoai, v.v... Thử hỏi có gì khoa học hơn? thực tế hơn? Từ đó suy ra, ai cũng biết rằng hễ làm ác thì gặt quả dữ, thế mà vẫn còn có quá đông người làm ác, kể cả những người đang phải trả nợ tiền khiên trong cảnh lâm than đau khổ mà vẫn chưa chịu thức tỉnh, chẳng chịu lo cải tạo nghiệp số hăm hiu hiện tại cho được tốt hơn, lại còn gây thêm điều ngang trái. Thương thay

cho những người chưa biết sợ luật nhân quả.

Có lần Đức Chí Tôn cất tiếng than:

*Cầm cân Tạo Hóa rất công minh,
Lành thường phước ban, dữ phạt hành.
Một mảy không ly, đời tương dễ,
Nạn tai đường ấy cũng chưa kinh.
Chưa kinh sợ, cứ họa gây hoài,
Khuyên bảo dường như nó đã chai.
Đạo đức giả lơ không biết tới,
Sắc tài bàn đến thật là hay!*⁽¹⁰⁾

Rồi Thầy lại dỗ con cái của Thầy:

“Các con nam nữ nên tin luật nhân quả và nên sợ luật Trời. Thầy rất công bình, không vì thương mà tư vị một con nào hay bỏ một con nào. Các con phải ráng tạo những điều lành để sau hạnh hưởng.”

(...)

*Nhớ câu “Thiên võng khôi khôi,
Sơ nhi bất lậu” lưới Trời đó con.
Luật nhân quả các con khá sợ,
Luật trả vay, con chớ vay thêm.*⁽¹¹⁾

Thời mới khai Đạo, Thầy đã khuyên bảo:

“Mấy con biết luật hình thế gian còn chưa tư vị thay, huống là Thiên điều thì tránh sao cho lọt? Dầu các con như vậy thì Thầy cũng lấy oai linh ấy mà trừng trị chớ không tư vị bao giờ. Phải lo sợ tội tình cho lắm. Phải có sợ mới có giữ

⁽¹⁰⁾ *Đại Thừa Chơn Giáo*, “Dưỡng sanh tánh mạng”, đàn ngày 18-9 Bính Tý (1936).

⁽¹¹⁾ *Thánh Huấn Hiệp Tuyển*, quyển 1, bài 53: Nhân quả.

mình, biết sợ phải biết giữ mình. Phải hiểu rõ rằng Thiên Địa vô tư, đừng ý là có Đại Từ Phụ mà lòng oai, nghe các con!”⁽¹²⁾

Người biết sợ luật nhân quả không những sẽ biết giữ mình, sợ tội tình, không gây thêm nghiệp xấu mới, mà còn có khả năng cải tạo nghiệp số xấu từ trước trở thành tốt.

Lý luận thật đơn giản. Sở dĩ nghiệp số hiện tại bị xấu là vì bảng kết toán đối chiếu hành vi thiện ác của chúng ta từ tiền kiếp nó nặng nghiêng về bên ác. Nay ta biết thức tỉnh ăn năn thì cứ làm ngược lại cho kết số bên thiện trở nên cao hơn, nặng hơn, qua mặt hẳn bên ác, nghiệp số mang số trừ (-) trước kia trở thành mang số cộng (+) thì cuộc đời sẽ đổi sắc, đổi chất ngay.

Về phần những người tốt số đang hưởng phước lành nhờ có thiện duyên từ trước, cũng cần tiếp tục ý thức đúng mức về luật nhân quả, ráng bồi đắp thêm nền tảng phước đức của mình.

Trên thực tế, có lắm người vì không phải khổ đau trả quả xấu nên chẳng biết lo, chẳng biết sợ. Được hưởng bề phú quý hoặc công danh địa vị trong đời, thay vì lo lập thêm phước đức để nghiệp lành càng trở nên tốt hơn, thì lại lạm dụng uy quyền để trục lợi, ngày ngày tiền bạc sẵn có cứ thẳng tay tiêu xài hoang phí. Than ôi! có biết vốn phước đức ở nhà băng vô vi của mình là bao nhiêu mà thẳng tay tiêu xài? Chỉ tháng tới, hoặc năm sau, tồn khoản (số dư: *balance*) cạn rồi, chùng đó ăn năn sẽ muộn! Thầy dạy:

*Đặng quả ngon thì ăn, lấy hột,
Gieo lại mà mai một còn ăn,*

⁽¹²⁾ *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*, quyển 1, đàn ngày 08-1 Bính Dần (20-2-1926).

*Nhược bằng hưởng quả, hột quăng,
Ngày sau thêm khát xin ăn của người.*⁽¹³⁾

Đức Chí Tôn dạy thêm: “Ngày nay các con được ấm no phải lo làm phước đức, phải lo gieo nữa đặng mùa sau có mà nuôi thân thể, chớ ăn đứt giống gặt tuyệt nòi, còn chi sanh trở lại?”⁽¹⁴⁾

III. Đoạn lìa nghiệp quả, thoát luân hồi sanh tử

Con đường tiến hóa của Nhơn sanh dĩ nhiên là một con đường dốc đi lên, mỗi bước tiến lên là một cố gắng mới:

- Cố gắng làm điều thiện để trả nợ tiền khiên.
- Cố gắng lánh xa điều ác để tránh tạo thêm nghiệp xấu.
- Cố gắng làm điều thiện để hưởng phước đức trong hiện kiếp.
- Cố gắng làm điều thiện thêm nữa để tạo nghiệp lành cho kiếp lai sinh.

Đó là những bước đi lên thật đẹp, thực hiện sự hoàn thiện hóa bản thân con người, và hệ quả là hoàn thiện hóa xã hội loài người, nếu như số người tu tiến ngày càng đông đảo.

Nhưng, hưởng lợi lộc và hạnh phúc trần gian chưa phải là mục đích đời người. Con đường tiến hóa của Nhơn loại không dừng lại ở đây, mà còn tiếp tục tới đích điểm giải thoát con người khỏi luân hồi sinh tử, trở về hiệp một cùng Đại Linh Quang (Đức Chí Tôn Thượng Phụ).

Vả lại, dự tính bồi đắp thêm công đức để kiếp sau tiếp tục hưởng phước lành, nhưng không chắc con người sẽ có một đời sống theo ý muốn, không chắc sẽ có điều kiện để tiếp tục

⁽¹³⁾ *Đại Thừa Chơn Giáo*, “Quả báo luân hồi”, 25-8 Bính Tý (1936).

⁽¹⁴⁾ *Đại Thừa Chơn Giáo*, “Quả báo luân hồi”, 25-8 Bính Tý (1936).

tu hành bình thường ở kiếp lai sinh. Vì sao?

a. Đời sống con người, nhứt là ở vào cuối thời mạt pháp như hiện nay, phải chịu sự tác động nặng nề của công nghiệp, chiến tranh chiến họa, tai vạ lan tràn, chẳng có mấy nơi, không có mấy lúc con người hưởng được cuộc sống thật sự an bình.

Đức Quan Thế Âm Bồ Tát dạy:

*Mãi lặn hụp trong lò luân chuyển,
Một kiếp người tai biến biết bao,
Hỏi coi những hạng sang giàu,
Xe hơi, tàu lớn, nhà lầu, cửa kho.
Hỏi ai được khỏi lo, khỏi sợ?
Hỏi ai không mang nợ trần gian?
Hỏi ai có được thập toàn?
Hay là cũng cảnh rộn ràng bối bèo?*⁽¹⁵⁾

b. Nếu cứ mãi xuôi dòng luân hồi sinh tử, con người có nguy cơ lạc mất đường về, có thể sa vào đường thoái hóa. Bậc thiện tâm cần tự cảnh giác về điều này lắm thay.

Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ dạy:

*Ráng tu trọn vẹn kiếp này,
Đắc thành cho khỏi đầu thai nhiều đời.
Luân hồi khổ lắm ai ơi,
Càng nhiều luân chuyển càng bồi vô minh.
Lấp lặn bản tánh chơn linh,
Lạc đường xa nẻo siêu sinh cõi trời.*⁽¹⁶⁾

Đức Quan Thế Âm Bồ Tát dạy:

⁽¹⁵⁾ Huồn Cung Đàn, 14 rạng 15-5 Ất Ty (13 rạng 14-6-1965).

⁽¹⁶⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 12-4 Canh Tuất (16-5-1970).

“... con người, khi luân hồi chuyển kiếp, chưa chắc gì được trọn vẹn làm người ở kiếp lai sanh. Bởi vì lòng người khó đo lường. Cũng thân xác con người mà tâm trạng đổi thay, từ thiện lương đến hung ác, bạo tàn, đến nỗi còn hơn lòng dạ hổ lang nơi rừng sâu núi thẳm.”⁽¹⁷⁾

Nói theo ngôn từ của Tam Giáo Đạo, thì Ôn Trên mở đường chỉ lối cho nhơn sanh, từ tu *phước* bước lên tu *huệ*. Vì đề tài này chủ yếu đưa ra bàn về chữ *ngiệp*, về *ngiệp số*, nên không nói luôn cả tiến trình tu *huệ*, chỉ xin nêu lên mấy điểm “chuẩn bị hành trang tư tưởng” cho nấc thang tiến hóa tiếp theo mà thôi.

Khi đã nhận thức được rằng ở cõi nhị nguyên vô thường này không chắc gì kiếp lai sinh sẽ được như ý nguyện, mà dù lai sinh có được hưởng phước trần gian đi nữa, thì cũng chẳng sánh được thú tiêu dao nơi cõi tiên vì:

*Cùng chư Tiên Phật cõi tiêu dao,
Chẳng lụy trần ai một mảy nào,
Cực Lạc nhàn du trong vĩnh cửu,
Thân an thú vị biết là bao.*⁽¹⁸⁾

Hành giả sẽ quyết tâm đoạn lìa nghiệp duyên, thoát kiếp luân hồi sinh tử. Nợ tiền khiên cộng với nợ kiếp này, nhứt quyết mau trả dứt để nhẹ phần hành lý trên đường tiến hóa.

Đức Quan Thế Âm Bồ Tát dạy:

*Chuyển luân hoại, trả vay vay trả,
Kiếp luân hồi buồn bã ai ôi!
Nếu khi hiểu rõ được rồi,*

⁽¹⁷⁾ Huồn Cung Đàn, 14 rạng 15-5 Ất Ty (13 rạng 14-6-1965).

⁽¹⁸⁾ Đức Chơn Thường Đạo Sĩ, Minh Lý Thánh Hội, 22-7 Tân Hợi (11-9-1971).

Sớm lo buôn trả quả nhồi nghiệp duyên.⁽¹⁹⁾

Hàng ngũ môn sanh Cao Đài được các Đấng thiêng liêng trang bị đầy đủ đức tin và tinh thần đón nhận sự nhồi quả.

Đức Văn Tuyên Không Thánh dạy:

“Con người biết tu thì quả báo càng đến dập dồn, vì quả báo đem lại kiếp này cho chư môn đồ để cho chư môn đồ trả dứt hầu phần bốn hườn nguyên. Nếu quả báo không trả kiếp này, thì đời đời chư môn đồ phải chịu trầm luân mãi mãi vậy.”⁽²⁰⁾

Đức Lý Thái Bạch dạy:

“Vì thời kỳ ân xá, nếu vị nào phát tâm đại nguyện quyết tu về với Thầy Mẹ trong một kiếp này là phải bị nhồi quả. (...) Người tu hay lâm nạn, đó là một sự thử thách vàng thau.”⁽²¹⁾

Một mặt chịu nhồi quả để trả dứt nợ, mặt khác về phần nghiệp lành, người tu giải thoát không còn ý định gởi nhà băng để dành kiếp sau hưởng nữa. Nhứt tâm nhứt đức lo làm việc thiện, làm công quả để xây nền đắp móng hỗ trợ cho công trình tu thân luyện kỹ hoàn thiện hóa bản thân, hỗ trợ cho công phu để lắng lòng thấy tánh, khai mở huệ năng. Thế là giải quyết dứt khoát, đoạn lìa nghiệp duyên, thuyền tâm giương cao cánh buồm trực chỉ về nguồn cội.

*

Mục đích bài này có thể được tóm gọn bằng mấy lời:

⁽¹⁹⁾ Hườn Cung Đàn, 14 rạng 15-5 Ất Ty (13 rạng 14-6-1965). *Buôn trả*: Mau trả.

⁽²⁰⁾ *Thánh Huấn Hiệp Tuyển*, quyển 1, bài 87: Vui nhận quả nghiệp.

⁽²¹⁾ *Thánh Huấn Hiệp Tuyển*, quyển 1, bài 92: Nhồi quả.

- Nhận chân rằng chính con người tự quyết định số phận của mình, bởi chính mình đã tạo ra nghiệp dữ hay nghiệp lành. Cái số phận do nghiệp mình tạo ra được gọi là *nghiệp số*.

- Nghiệp số do mình tạo thì mình tự do cải sửa từ xấu trở thành tốt như ý muốn.

- Đạt được trình độ tiến hóa này rồi, con người giác ngộ thêm rằng: Thôi, mãi quẩn quanh làm chi với nghiệp dữ, nghiệp lành ở cõi trần ai, hãy nhứt tâm đoạn lìa nghiệp duyên, thoát vòng sanh tử, siêu sanh về cõi vĩnh hằng.

Để kết luận, xin nương theo thánh ý của Đức Quan Thế Âm Bồ Tát, kính chúc toàn thể quý huynh tỷ, đệ muội đều quyết tâm tu giải thoát và ai nấy đều thành công trong kiếp này.

*Cảnh tiên tục khác là chỉ có,
Không dục tâm, không ngô tử sanh,
Không tham vọng, không giựt giành,
Không dùng vật chất, vị danh treo mồi.
Nên chẳng có luân hồi oan nghiệt,
Nên không còn chuyển kiếp trả vay,
Sớm cung Bắc, chiều non Đoài,
Một bầu trời đất, gót hài ngao du.*⁽²²⁾

⁽²²⁾ Hườn Cung Đàn, 07 rạng 08-4 Ất Ty (07-5-1965).

Tài Đức Và Mệnh Trời

Trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Quan Thánh được tôn là Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân, đứng vào hàng Tam Trấn Oai Nghiêm, đại diện cho đạo Nho, đồng đẳng với Đức Lý Thái Bạch, Nhứt Trấn Oai Nghiêm Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, đại diện cho đạo Tiên, và Đức Thường Cư Nam Hải Quan Âm Như Lai, Nhị Trấn Oai Nghiêm, đại diện cho đạo Phật.

Đức Lý Giáo Tông là một vị Đại Tiên Trưởng nên đại diện cho đạo Tiên, Đức Quan Âm Bồ Tát là một vị Phật nên đại diện cho đạo Phật, còn Đức Quan Thánh? Chắc thế nào cũng có người muốn biết vì sao Đức Quan Thánh đại diện cho đạo Nho.

Thiết tưởng cũng cần giải thích tỏ rõ vấn đề này để củng cố cơ sở hiểu biết của đạo hữu chúng ta và giúp trả lời cho nhân thế muốn tìm hiểu tôn giáo Cao Đài.

Theo tác giả William Frederick Meyers, thì trước khi gặp Lưu Bị và Trương Phi rồi tông quân bước vào binh nghiệp, Quan Vũ, tự Quan Vân Trường tuy gia đình bản hàn, nhưng vẫn được học hành cả văn lẫn võ và tu thân theo đạo Nho. *Kinh Minh Thánh chép:*

*Ngô tổ lẫm Xuân Thu,
Ấu quan Khổng Mạnh.
Duy dĩ hiếu để vi tiên,
Tu thân trị quốc vi bản.*

(Ta thường đọc kinh Xuân Thu,
Ấu thơ xem sách của Khổng, Mạnh.
Ta chỉ lấy hiếu để làm đầu,
Lấy sửa mình giúp nước làm gốc.)

Nhiều người trong chúng ta đã đọc truyện Tam Quốc Chí, và nếu xét về góc độ đạo đức của các nhân vật, thì thấy cuộc đời của Quan Vũ quả là một tấm gương đầy đủ Nhân, Lễ, Nghĩa, Trí, Tín, và Dũng của đạo Nho.

Xin dẫn lại sau đây một số trường hợp tiêu biểu:

Trường hợp thứ nhứt

Sau khi thất thủ thành Hạ Bì, vì còn hai chị dâu phải bảo vệ và chưa biết tin tức Lưu Bị cùng Trương Phi thế nào, lại được Tào Tháo đặc biệt hậu đãi với dụng ý dụ hàng, nên tuy nhứt quyết không quy hàng mà Quan Vũ vẫn phải ân nhân dung thân trong quân của Tào Tháo.

Khi Tào Tháo kéo quân về Hứa Xương, dọc đường phải nghỉ qua đêm ở quán trọ. Muốn cho Quan Vũ lỗi đạo với Lưu Bị rồi sẽ hổ thẹn không dám trở về với anh mà ở lại quy hàng Tào, nên Tào Tháo bèn lập mưu sắp đặt cho Quan và hai chị dâu ở cùng phòng trọ. Quan Vũ đã cầm đuốc đứng hầu ngoài cửa từ tối tới sáng. Do sự tích này sử sách còn truyền lại câu "*Minh chúc đạt đán chi Quan Vân Trường*", nghĩa là Quan Vân Trường đốt đuốc cho tới sáng.

Khi gần sáng, đuốc tàn lửa tắt, sẵn đao Thanh Long cầm tay, Quan Vũ khoét vách nhà trọ cho trống trơn để mọi người khỏi phải ngờ có điều bất chánh.

Trong trường hợp trên đây, Quan Vũ đã trọn *Lễ* với hai chị dâu, trọn *Nghĩa* đối với nghĩa huynh Lưu Bị, và đã đủ *Trí* để bày tỏ và chứng minh lòng quang minh chính đại của mình,

đồng thời cũng trọn chữ *Tín* vì không phụ lời thề kết nghĩa vườn đào, không phụ lời Lưu Bị phó thác gởi gắm hai vị phu nhân. Ngoài ra Quan Vũ cũng trọn *Dũng* vì đã dùng sức mạnh nội lực để làm chủ lòng mình, không cho tà tâm dấy động.

Trường hợp thứ hai

Lưu Bị phái Quan Vũ trấn giữ Kinh Châu, nguyên là đất của Tôn Quyền. Tôn đòi lại mấy phen không được. Lỗ Túc bày mưu cho Tôn như sau: Lỗ đóng quân ở bờ sông Lục Khẩu, mời Quan đến dự tiệc rồi xin trả đất, nếu không nghe thì sai năm mươi quân đao phủ đã mai phục sẵn cứ xông ra chém Quan giữa tiệc.

Quan Vũ đội khăn xanh, mặc áo bào màu lục, ngồi thuyền đi đến. Trên thuyền, ngoài Châu Thương cầm đao Thanh Long đứng hầu, chỉ có thêm tám, chín người lực lưỡng giặt mã tấu hộ vệ.

Tiệc gần tàn, Lỗ Túc đặt vấn đề đất Kinh Châu, Quan không chịu trả và phản ứng tức khắc: một tay cầm đao, một tay nắm chặt Lỗ cùng ra thuyền về thành an toàn. Quân đao phủ chẳng kịp ra tay và quân Đông Ngô trước đó đã ém sẵn bên sông đành phải thối thủ.

Đời sau hâm mộ *Trí* và *Dũng* của Quan nên có thơ khen tặng rằng:

*Coi thường quân thân nước Ngô như trẻ nhỏ,
Một đao dự hội, dám xem là chuyện bình thường.*

Trường hợp thứ ba

Khi bày kế dùng hỏa công đánh trận Xích Bích, Khổng Minh tiên liệu Tào Tháo thua trận sẽ chạy trốn qua ngõ Hoa Dung. Khổng Minh muốn Quan Vũ phục binh chặn ngõ này,

nhưng còn ngại một lẽ, nên trình bày với Quan rằng:

“Khi xưa Tào Tháo đãi tướng quân hậu lắm, thế nào tướng quân cũng còn nhớ ơn. Nay Tào Tháo thua trận, tất chạy qua đường Hoa Dung. Nếu để tướng quân ra chặn ở đó, tất nhiên tha mất Tào Tháo...”

Quan Vũ đáp: “Khi xưa tuy tôi có thọ ơn Tào Tháo, nhưng tôi đã chém Nhan Lương, Văn Xú để báo ơn rồi. Nay phỏng có gặp nhau, lẽ nào tôi dám tha.”

Cuối cùng, trước khi dẫn năm trăm quân đi chặn Tào, Quan phải làm tờ cam kết, nếu tha Tào sẽ chịu tội chết.

Quả nhiên, Tào Tháo thua trận Xích Bích, chạy qua ngõ Hoa Dung với hơn một trăm quân mã xơ xác, kiệt sức tàn hơi.

Khi Quan Vũ ra chặn đường, tướng của Tào là Trình Dục khuyên Tào:

“Tôi vẫn biết Vân Trường là người nghĩa khí, ngạo người trên mà không khinh người dưới, trêu người khỏe mà không nỡ hiếp người nguy, ân oán phân minh, tín nghĩa rõ ràng. Thừa tướng khi xưa có ân tình với ông ấy, nay ngài phải đích thân ra mà kêu cầu với y thì họa may mới thoát khỏi nạn này.”

Tào Tháo hạ mình xin tha chết, quả nhiên Quan Vũ không thể làm nợ. Quan Vũ tuy nói với Khổng Minh rằng đã tìm cách trả ơn Tào xong rồi, nhưng nghĩa tình thì biết sao trả cho hết! Cho nên Khổng Minh đẩy Quan Vũ vào ngõ Hoa Dung là đẩy Quan vào khúc éo le nan giải của Quan. Đoạn này nhà văn La Quán Trung (tác giả Tam Quốc Chí) tả tỉ mỉ như sau:

“Vân Trường xưa nay vẫn là người trọng nghĩa, nhớ đến tình nghĩa khi xưa Tào Tháo đãi mình rất hậu, cùng là tặng áo tặng vàng lúc ra khỏi năm cửa ải, nghe thấy Tháo nói cũng động lòng. Và lại trông thấy quân của Tào Tháo anh

nào cũng rom róm nước mắt, đứng run lập cập, lại càng thương không nổi giết. Bởi thế bèn quay đầu ngựa, rõ ràng có ý tha cho Tào Tháo. Vân Trường quay ngựa lại thì Tào Tháo đã chạy xa mất rồi, mới quát to lên một tiếng, các quân sĩ xuống cả ngựa, lay thụp xuống đất, sụt sùi khóc, Vân Trường lại càng thương xót lắm. Giữa lúc ấy Trương Liêu ⁽¹⁾ ở mặt sau tế ngựa đến, Vân Trường lại động tình bạn cũ, không biết nói ra làm sao, chỉ thở dài một tiếng, rồi tha tuốt cho cả quân sĩ đi.” ⁽²⁾

Dẫu thừa biết rằng hễ tha Tào thì bản thân sẽ chịu chết, vì khi ra quân đã cam kết trước rồi, mà Quan vẫn cứ tha, phải chăng là người thâm nhuần tư tưởng Khổng, Mạnh, Quan đã đem chính sinh mệnh của mình ra để chứng nghiệm lời của Đức Khổng Tử “*Sát thân dĩ thành nhân*” (Hy sinh bản thân để thành tựu đức nhân. *Luận Ngữ, Vệ Linh Công, XV*) và lời của Thầy Mạnh Tử “*Xả sinh nhi thủ nghĩa*” (Bỏ mạng sống mà giữ lấy đạo nghĩa. *Mạnh Tử, Cáo Tử Thượng, X*). Vì đã bỏ cái sống tìm cái chết để giữ tròn lấy hai chữ *Nhân, Nghĩa* cho nên Quan Vũ còn mãi thiên thu là Quan Thánh Đế Quân.

*

Chúng ta vừa rọi lên chân dung của Quan Vũ là bậc dũng tướng tài đức đã chiến đấu dưới sự điều binh khiển tướng đầy mưu lược của Khổng Minh mà tài danh còn lưu truyền và được người đời kính phục cho tới ngày nay. Thế nhưng, bậc dũng tướng tài đức ấy đâu có thêm vị quân sư Khổng Minh

⁽¹⁾ Sau khi Quan Vũ thất thủ thành Hạ Bi, Trương Liêu là người thay mặt Tào Tháo tiếp xúc với Quan để khuyên dụ Quan hàng Tào, nhưng bị Quan cự tuyệt.

⁽²⁾ Bản dịch của Phan Kế Bính.

đầy mưu lược thời Tam Quốc phân tranh vẫn không giúp được phe Tây Thục của Lưu Bị thống nhất được đất nước, bởi vì còn thiếu một yếu tố tối quan trọng, một điều kiện căn bản tối cần thiết, đó là *mệnh Trời*.

Tam Quốc Chí, Hồi 103 chép:

Khổng Minh quyết đánh một trận then chốt để tiêu diệt Tư Mã Ý (nguyên soái của nước Ngụy). Tại hang Thượng Phương, trướng kế của Khổng Minh, Tư Mã Ý và hai con là Tư Mã Sư, Tư Mã Chiêu cùng toàn bộ binh mã bị chặn bít cửa hang, đồng thời quân Thục của Khổng Minh đốt lửa ngàn ngút.

Trận chiến đang thắng thế cho quân Khổng Minh thì bỗng dưng đông gió nổi lên, sau đó mưa to như trút nước dập tắt lửa, địa lôi cũng tịt ngòi, quân Ngụy nhờ thế tháo chạy thoát.

Khổng Minh đang ở trên núi quan sát trận đánh, thấy vậy than thở: “Mưu việc tại người, thành việc tại Trời, không sao cưỡng lại được!”

Trước đây, có lần Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ mượn truyện Khổng Minh Gia Cát thời Tam Quốc để nhắc nhở hàng Thiên ân sứ mạng:

“Này chư đệ! Khổng Minh Gia Cát thời Tam Quốc là một nhân vật kỳ tài, trên thông thiên văn, dưới thông địa lý, đối với người thì thấu hiểu tâm tư, lại là người biết mệnh Trời. Nhưng lại không thông nhất được đất nước bằng tài trí của mình, bởi vì Khổng Minh chưa được chọn, chưa có Thiên mạng. Khổng Minh Gia Cát tài ba lỗi lạc đến người đời nay vẫn còn kính phục, nhưng Thiên ý không ban trao, nên chẳng thành công.

“Thế chư đệ ngày nay đã được Đức Chí Tôn Thượng Đế chọn để ban trao sứ mạng tạo thế nhơn hòa, một đặc ân rất

lớn, vừa được thuận theo Thiên ý, vừa phù hợp với khát vọng của nhơn sanh, thì chớ để hễ cố gắng đừng để mất Thiên chức của mình. Bản Đạo dạy bao nhiêu lời, chớ để hiểu rõ.”

*

Chúng tôi vừa cùng quý vị nhắc lại chuyện xưa tích cũ nhằm hai mục đích thiết thực:

Thứ nhất là tìm thấy lý do vì sao Đức Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân là đại diện cho đạo Nho trong hàng Tam Trấn Oai Nghiêm. Người tín đồ Cao Đài biết rõ Ngài mới thấy thật gần gũi và ngưỡng mộ Ngài.

Thứ hai, cũng từ chuyện xưa tích cũ này có mối liên hệ giữa Quan Vũ và Khổng Minh Gia Cát, kết hợp với lời dạy dễ nhắc nhở của Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ để suy nghĩ nhiều về yếu tố *mệnh Trời*, một yếu tố mà xưa kia Khổng Minh không có nên chẳng thành công, một yếu tố mà ngày nay dân tộc Việt Nam chúng ta được Đức Chí Tôn Thượng Đế chọn và ân ban.

Suy nghĩ nhiều về yếu tố *mệnh Trời* để hàng ngũ chức sắc, chức việc và tín đồ Cao Đài không quên sứ mạng của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, không quên mình đã thọ mệnh Trời thể Thiên hoàng Đạo nhằm tạo thể nhân hòa cho nhơn sanh đang trên bờ vực thẳm do nạn chia rẽ và phân tranh. Hoàng Đạo với ý thức và phương thức *thực hiện thể nhân hòa từ trong ra ngoài, từ gần ra xa*.

Xin kết thúc bài này với tác lòng chí thành và trân trọng nhắc lại lời dạy của Đức Giáo Tông: “*Cố gắng đừng để mất Thiên chức của mình.*”

TỪ NHÀ THƠ LÝ BẠCH TỚI ĐỨC LÝ ĐẠI TIÊN TRƯỞNG GIÁO TÔNG VÔ VI ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

Các nhà viết sử đều tỏ thái độ rất trân trọng đối với nhà thơ Lý Bạch (701-762) về mặt tư tưởng phóng khoáng thanh cao và tài năng thi phú. Nhưng chẳng phải với bấy nhiêu vốn đáng trân trọng đó mà chọn linh nhà thơ Lý Bạch, sau khi về cõi trên, được đặc phẩm vị Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Nhà thơ Lý Bạch ở vào thế kỷ thứ 8, phẩm vị Giáo Tông Đại Đạo ở vào thế kỷ 20, cách nhau mười hai thế kỷ tức là một ngàn hai trăm năm, một thời gian dài tu luyện và công quả vô vi để trở thành Đại Tiên Trưởng rồi tới thế kỷ 20 mới nhận trọng trách Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ và Nhứt Trấn Oai Nghiêm, đại diện đạo Tiên, và sau này kiêm thêm trách vụ Tổng Lý Minh Đạo Vô Vi Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo.

Nhưng, dù thời gian có cách xa và phẩm vị có cách biệt bao nhiêu đi nữa, bởi cùng là một chọn linh trên đường thánh hóa thì đặc điểm về phong cách vẫn tìm thấy được rõ ràng trước cũng như sau trong thơ văn của Ngài, vì xưa nay đời vẫn công nhận *văn tức là người*.

Biết được đặc tính thơ văn của Lý Bạch đời Đường, người tín đồ Cao Đài ngày nay vừa tiếp nhận lời dạy dễ của Đức Giáo Tông Đại Đạo, vừa thích thú cảm nhận đặc tính phóng

khoáng của Ngài, tỉnh thoảng trong thơ có tửu, có nhạc làm lâng lâng tâm hồn của khách trần được ban ơn cho thưởng thức.

Thi và tửu

Cái say, cái rượu của Lý Bạch đời Đường được công nhận không phải là cái chèn chén bê tha của phàm phu tục tử:

*Tam bôi thông Đại Đạo,
Nhất đấu hợp tự nhiên.*

(Ba chén thông Đạo lớn,
Một đấu hợp tự nhiên.)

Ngày nay hàng Thiên ân sứ mạng lớn nhỏ trong tôn giáo Cao Đài từng được Đức Giáo Tông Đại Đạo ban ơn cho đối ẩm cùng Ngài. Ngài gọi đó là “*tâm tương tửu*” và bảo rằng rượu đó chẳng thua gì tiên tửu. Ngài cho phép chúng ta uống, mà còn khuyến khích chúng ta say (dù chỉ với một ly rượu nhỏ), vì đây chẳng phải là say men rượu thường, mà là *say men đạo đức, say men chí bửu Thiên ân*:

*Tâm tương tửu dễ nhường tiên tửu,
Biết say men chí bửu Thiên ân,
Giúp cho tánh đạo sạch lần,
Diệt trừ tư hữu ngã nhân pháp quyền.*

Ngài dạy tiếp:

*Uống đi men đạo hồi trò!
Say men đạo đức dễ dò lòng nhau.
Tài với đức đối trao phụng sự,
Tâm với tài bực thứ không hai.
Có tâm mà lại có tài,
Đức, tâm, tài đủ, đạo Thầy hoằng dương.*

*Đời thì có hai đường chơn ngay,
Đạo chỉ cần chung thủy nhứt tâm...⁽¹⁾*

Đã bảo là “*say men đạo*” thì sao giờ này ta không cảm thấy mình như đang đối ẩm cùng Đức Giáo Tông, để có được trạng thái lâng lâng say men đạo, hùng chí nghe Ngài dạy tiếp:

“Xuân đạo vẫn còn, xuân tâm vẫn có. Kìa rượu xuân còn đó, chớ hiền đệ muội đã nâng ly và hãy nâng ly xem như chung rượu tâm tương tửu mà năm nào Bản Đạo đã cùng chớ hiền đệ muội đối ẩm. Duy chỉ có một điều Bản Đạo muốn lưu ý chớ hiền đệ muội: Khi uống cạn ly rượu chung trà, cái thực chất có thấm thía được vào can trường huyết quản của người sứ mạng Thiên ân hay không.

*Tâm chủ sử cơ cảm linh diệu,
Nhấp quỳnh tương cửu khiêu khai thông”⁽²⁾*

Nghe lời dạy của Đức Giáo Tông thì chúng ta ai nấy vẫn thường nghe. Nhưng nghe với “*lòng say men đạo*”, trong khi men đạo đang thấm thía vào can trường huyết quản, thì sự quyết chí mới cao, người Thiên ân sứ mạng mới thấy được nung chí hăng say phụng sự Thiên cơ.

Thơ và nhạc

Thi (hay thơ) tự nó có tính nhạc với thanh điệu bằng trắc, bổng trầm. Dùng thơ để diễn tả một ý nhạc, thì tính nhạc của thơ lại càng tăng cao. Chúng ta vẫn nhớ với bao niềm thích thú bài thơ đầy ý nhạc của Đức Giáo Tông dạy nội bộ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý:

⁽¹⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 29-12 Mậu Ngọ (27-01-1979).
⁽²⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 14-01 Canh Thân (29-02-1980).

Ví nhạc công ôm đồn nhấn phím,
So tơ đồng đúng điểm cung thương,
Gảy lên những khúc can trường,
Lòng thanh cao lẫn du dương bổng trầm.
Cơ Quan ấy danh cầm huyền diệu,
Tạo chân tài phát điệu âm thanh,
Hữu vô, lý Đạo phân minh,
Năm châu bốn biển thanh bình âu ca.⁽³⁾

Ngài giải thích:

“Cơ Quan ví như cây đàn, đạo lý ví như tiếng đàn, các cấp nhân viên hành sự Cơ Quan ví như nhạc sư và nhạc công chơi đàn. Đàn có hai phần: một là dây phím đúng điệu cung thương, hai là số người chơi đàn phải có tâm hồn thanh cao. Nếu dây, phím không đúng mực đúng chỗ, thì cây đàn ấy là một món huê dạng, dầu nhạc sư tài ba lối lạc cũng không làm sao khảy lên đúng nhịp điệu. Nếu nhạc sư là người chơi đàn, dầu cho là một người chuyên nghiệp, nhưng không có tâm hồn thanh cao, tiếng đàn không sao quyến rũ được những người thanh cao thích nhạc.

“Ai ai cũng thích nghe nhạc, nhưng tùy theo âm điệu nhạc, tùy theo tâm hồn của người sử dụng nhạc. Nếu người sử dụng nhạc, khi có những tâm hồn cuồng loạn, làm sao trỗi lên âm điệu trầm bổng êm đềm thức tỉnh khách trần trong cơn mê mộng. Trong một ban nhạc, dầu những món nhạc khí, nhạc cụ, hình ảnh có khác nhau, nhưng khi trỗi lên một bản nhạc hợp tấu, đâu đó đều trúng điệu trúng nhịp, âm thanh điều hòa, có phải bởi nhờ mỗi nhạc công đều lên dây đúng tầng âm thanh, theo một khuôn viên mẫu mực, theo đúng các ký âm pháp của bản nhạc, và luôn luôn hướng về sự điều khiển

của nhạc trưởng hay chăng? Nếu ngoài quy luật ấy, dầu một hai món nhạc khí cũng đủ gây lên âm điệu cuồng loạn, mất trật tự, khiến người nghe nhạc phải điên đảo thêm lên.”⁽⁴⁾

Thánh giáo trên đây của Đức Giáo Tông Đại Đạo đã gọi hình, gợi ý đầy đủ về hai khía cạnh:

1. Nhạc sư và nhạc công phải có tâm hồn thanh cao.
2. Các món nhạc khí (nhạc cụ) đều phải được điều chỉnh cho đúng tầng âm thanh, theo một khuôn viên mẫu mực, theo đúng ký âm pháp của bản nhạc, và luôn luôn hướng về sự điều khiển của nhạc trưởng (Tổng Lý Minh Đạo Vô Vi của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý là Đức Giáo Tông Đại Đạo).

Thơ, rượu, nhạc nâng tâm hồn nghệ sĩ lên cao, muốn hòa nhập cùng thiên nhiên

Núi, trăng, sông, biển luôn luôn là nguồn cảm hứng của Lý Bạch. Đối với Lý Bạch, cảnh vật thiên nhiên không phải là vật thể, mà là tâm tình; khi buồn có trăng thì buồn cũng hết:

*Hạo ca đãi minh nguyệt,
Khúc tận dĩ vong tình.*

(Hát vang chờ trăng sáng,
Hát xong quên tình buồn.)

Lên núi cao thấy trời đất rộng bao la và thiên nhiên ấy làm Lý Bạch thấy cõi đời danh lợi là nhỏ hẹp, phù du:

*Đãng cao vọng tứ hải,
Thiên địa hà man man.*

(Lên cao trông bốn bể,
Ôi, đất trời bao la.)

⁽³⁾ Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 01-3 Đinh Mùi (10-4-1967).

⁽⁴⁾ Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 01-3 Đinh Mùi (10-4-1967).

Vinh hoa đông lưu thủy,
Vạn sự giai ba lan.

(Vinh hoa như dòng nước chảy về đông,
Việc đời muôn sự đều như ngọn sóng.)

Tư tưởng vượt lên trên cái nhỏ hẹp để vươn tới tầm rộng lớn bao la đã được Đức Giáo Tông truyền dạy cho người tín đồ Cao Đài thâm nhập để hoàn thành sứ mạng Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là khêu tỏ lý đồng nguyên và quy nguyên, khai phóng tâm linh, đưa con người tôn giáo vươn lên tầm vóc Đại Đạo. Theo Ôn Trên diễn tả, khi đạt tới tầm vóc này thì con người biết “ngước mắt nhìn lên bầu trời to rộng,”⁽⁵⁾ biết “vượt ra đại dương trời nước bao la, chấp cánh bay bổng khắp bốn phương trời để phục vụ nhân loại, phụng sự Thiên cơ, làm theo lòng trời đất.”⁽⁶⁾

Đối với cá nhân người tu hành, Đức Giáo Tông dạy hòa nhập tâm hồn cùng cảnh vật thiên nhiên để thoát điều phiền não:

Hòa mình vạn vật cảnh thiên nhiên,
Cho hết ưu tư mọi nỗi phiền,
Tâm được thanh thang, lòng thoải mái,
Một giờ, một phút cũng thần tiên.⁽⁷⁾

*

Trên đây chúng tôi vừa nêu lên một số đặc điểm về phong

⁽⁵⁾ Đức Đại Tiên Lê Văn Duyệt, thánh thất Nam Thành, 14-02 Kỷ Dậu (31-3-1969).

⁽⁶⁾ Ni Sư Diệu Lộc, Chơn Lý Đàn (Vạn Quốc Tự), 01-5 Kỷ Dậu (15-6-1969).

⁽⁷⁾ Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 23-12 Kỷ Dậu (30-01-1970).

thái của nhà thơ Lý Bạch, vừa trích một ít đoạn thánh giáo của Đức Giáo Tông để minh họa những đặc điểm ấy, đồng thời cũng để nhận diện những đặc điểm ấy trong thánh thi của Đức Giáo Tông, cho thấy mối liên hệ giữa nhà thơ nổi tiếng đời nhà Đường hồi thế kỷ 8 với Đức Lý Đại Tiên Trưởng Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ vào thế kỷ 20.

Từ những đoạn thánh giáo trích dẫn trên đây, dù thánh ý nào cũng quan trọng, chúng tôi muốn đề nghị tuyển chọn một chủ đề có thể nêu lên làm phương châm để nhớ nghĩ đến Đức Giáo Tông trên bước đường hành đạo. Theo thiên ý, chủ đề sau đây có khả năng giúp ta nhớ ngay tới Đức Giáo Tông: *say men đạo đức* hoặc *say men sứ mạng*.

Chúng ta hãy say men đạo, say sưa với sứ mạng sau khi được hâm nóng bởi chung “*tâm tương tửu*” của Đức Giáo Tông, từ đây hăng hái thêm hơn với đạo sự, để Đức Giáo Tông khỏi còn phải cất tiếng vỗ về mà nghe ra chính là lời than thở năm nào:

“*Bản Đạo xem chư hiền đệ muội là những người em thân yêu mến luyến, nên đã từng cho chư Thần hộ trợ, vượt qua những lúc khó khăn, ngang nhiên hành đạo, có lý nào lại không được lưu chút tình thân, nhớ lời dặn dò chỉ bảo, để được nhẹ nhàng tâm não, mát mẻ cõi lòng, mà bắt tay cùng Bản Đạo để lo xây dựng cơ tái tạo ở đời thượng ngươn.*”⁽⁸⁾

Xin chúng ta hãy nhớ lại bao lời dạy dỗ của Đức Giáo Tông, nữ cũng như nam, hãy đưa tay thọ nhận chung “*tâm tương tửu*” Ngài ban trao, hãy uống và cảm nhận hơi nóng của men đạo thấm thía vào can trường huyết quản, thúc giục người sứ mạng Thiên ân đồng nhất bước thêm hơn.

⁽⁸⁾ Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 15-4 Bính Ngọ (03-6-1966).

CHƯƠNG TRÌNH CHUNG TAY ẤN TỐNG KINH SÁCH ĐẠI ĐẠO

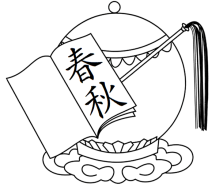
ĐÃ XUẤT BẢN:

- 1-3. **ĐẤT NAM KỲ – TIẾN ĐÉ VĂN HÓA MỞ ĐẠO CAO ĐÀI.** Huệ Khải, 2008, 2012.
- 2-3. **NGŨ VĂN CHIÊU – NGƯỜI MÔN ĐỆ CAO ĐÀI ĐẦU TIÊN.** Huệ Khải, 2008, 2009, 2012.
- 3-2. **LỜI VÀNG SEN TRẮNG.** Bạch Liên Tiên Trưởng; Huệ Khải chú thích, 2008, 2009.
- 4-2. **LÒNG CON TIN ĐÁNG CAO ĐÀI.** Huệ Khải, 2008, 2010.
- 5-3. **LUẬT NHÂN QUẢ THEO GIÁO LÝ CAO ĐÀI.** Huệ Khải, 2008, 2010, 2012.
- 6-2. **ĐẤT NAM KỲ – TIẾN ĐÉ PHÁP LÝ MỞ ĐẠO CAO ĐÀI.** Huệ Khải. 2008 in hai lần, 2010.
- 7-1. **CÁC THÁNH SỞ CAO ĐÀI TỈNH LONG AN.** Đạt Linh, Đạt Truyền, Huệ Khải, 2008.
- 8-2. **BỒI DƯỠNG ĐỨC TIN.** Bùi Văn Tâm, 2008, 2012.
- 9-2. **LỄ BỔN.** Cao Triều Phát soạn; Huệ Khải, Lê Anh Minh san nhuận 2008, 2009.
- 10-3. **CƠ DUYÊN VÀ TUỔI TRẺ.** Phạm Văn Liêm, 2009 in hai lần, 2012.
- 11-2. **NHỚ ĐẠT LINH.** Huệ Khải chủ biên, 2008, 2009.
- 12-3. **KINH CỨU KHỔ TRONG ĐẠO CAO ĐÀI.** Huệ Khải, 2009, 2010, 2011.
- 13-1. **HỌC TẬP THÁNH GIÁO NĂM ẤT TỶ (1965).** Huệ Khải, Lê Anh Minh hiệp chú, 2009.
- 14-2. **ĐẠO ÁO TRẮNG.** Phạm Văn Liêm, 2009, 2010.
- 15-3. **TÌM HIỂU KINH SÁM HỐI.** Thanh Căn, Huệ Khải, 2009, 2010, 2011.
- 16-2. **TÌM HIỂU NGỌC HOÀNG THIÊN TÔN BỬU CÁO.** Huệ Khải, 2009, 2010.
- 17-1. **THIỆN THƯ.** Lê Anh Minh, 2009.
- 18-2. **HƯƠNG QUẾ CHO ĐỜI.** Phạm Văn Liêm, 2009, 2012.
- 19-1. **XUÂN TRI ÂN.** Hiệp tuyển thơ văn, nhiều người viết, 2010.
- 20-2. **CÓ MỘT TÌNH THƯƠNG.** Bạch Liên Hoa, 2010, 2011.
- 21-2. **BA MÓN BÁU CỦA NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI.** Thanh Căn, 2010, 2012.
- 22-1. **TAM GIÁO VIỆT NAM – TIẾN ĐÉ TƯ TƯỞNG MỞ ĐẠO CAO ĐÀI.** Huệ Khải, 2010.
- 23-2. **ƠN GỌI MIỀN TRUNG.** Phạm Văn Liêm, 2010, 2011.
- 24-3. **HÀNH TRANG NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI.** Diệu Nguyên, 2010 in hai lần, 2012.
- 25-3. **CÂU CHUYỆN ĐỨC TIN.** Diệu Nguyên, 2010, 2011, 2012.
- 26-1. **NGHỆ THUẬT THUYẾT TRÌNH GIẢNG ĐẠO.** Đơn Tâm, 2010.
- 27-2. **HÀNH TRANG TIÊN BỒI CAO TRIỀU PHÁT.** Cao Bạch Liên & Huệ Khải, 2010, 2012.
- 28-2. **TRIẾT LÝ ĐẾN THÁNH CAO ĐÀI TÂY NINH.** Huệ Khải, 2010, 2012.
- 29-2. **DANH THẤY DANH ĐẠO.** Đơn Tâm, 2010, 2012.
- 30-1. **MỘT DÒNG BÁT NHÃ.** Huệ Khải, 2010.

- 31-2. **GIẢI MÃ TRUYỆN TÂY DU.** Huệ Khải, 2010, 2011.
- 32-1. **NGÀI MINH THIÊN - CUỘC ĐỜI VÀ ĐẠO NGHIỆP.** Đại Cơ Huòn, 2010.
- 33-2. **TINH HOA CAO ĐÀI GIÁO.** Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ, 2010, 2012.
- 34-3. **THẤT CHÂN NHÂN QUẢ.** Lê Anh Minh dịch và chú thích, 2010 in hai lần, 2012.
- 35-1. **XUÂN CHUNG TÂM.** Hiệp tuyển thơ văn, nhiều người viết, 2011.
- 36-1. **ĐẠI THỪA CHƠN GIÁO.** Cao Đài Chiêu Minh Tam Thanh Vô Vi, 2011.
- 37-2. **NÓI CHUYỆN CAO ĐÀI.** Đơn Tâm, 2011, 2012.
- 38-2. **KINH SÁM HỐI MINH HỌA.** Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, tranh 4 màu, 2011, 2012.
- 39-2. **TÌM HIỂU HAI BÀI TIÊN THIÊN KHÍ HÓA VÀ QUẾ HƯƠNG NỘI ĐIỆN.** Huệ Khải.
- 40-2. **SỬ MẠNG ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ.** Đơn Tâm, 2011, 2012.
- 41-1. **TRÊN ĐƯỜNG THIÊN LÝ.** Phạm Văn Liêm, 2011.
- 42-1. **NHIP CẦU TƯƠNG TRI.** Huệ Khải, 2011.
- 43-2. **ĐIỂM TỰA TÂM LINH.** Huệ Khải, 2011, 2012.
- 44-1. **ĐỌC LẠI THẤT CHÂN NHÂN QUẢ.** Huệ Khải, 2011.
- 45-1. **NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI LÀM QUEN PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU.** Huệ Khải, 2011.
- 46-1. **TIẾNG CHIM QUYÊN.** Phạm Văn Liêm (thơ), 2011.
- 47-1. **MỘT GÓC NHÌN VĂN HÓA CAO ĐÀI.** Huệ Khải, 2011.
- 48-1. **CON ĐƯỜNG HẠNH PHÚC.** Huệ Khải, 2011.
- 49-1. **KINH CÚNG TỬ THỜI.** Cao Đài Chiêu Minh Tam Thanh Vô Vi, 2011.
- 50-1. **XUÂN HÒA ĐỒNG.** Hiệp tuyển thơ văn, nhiều người viết, 2012.
- 51-2. **CUỘC ĐỜI PHẬT THÍCH CA.** Ngô Bái Thiên, tranh 4 màu, 2012 in hai lần.
- 52-1. **TU CỨU CỨU HUYỀN THẤT TỔ.** Huệ Khải, 2012.
- 53-1. **CẨM ĐẠO CAO ĐÀI Ở TRUNG KỶ (1928-1950).** Huệ Khải, 2012.
- 54-1. **BẮC CẦU TÂM LINH.** Huệ Khải, 2012.
- 55-1. **HÒA ĐIỀU LIÊN TÔN.** Huệ Khải, 2012.
- 56-1. **ĐẠO LÝ HUYẾN CƠ.** Thiện Bảo, 2012.
- 57-1. **LƯỢC SỬ BÁT BỬU PHẬT ĐÀI.** Thiện Bảo, 2012.

* **ĐẠI ĐẠO VĂN UYỂN** tập Nguyễn, Hanh, Lợi, Trinh. Hiệp tuyển thơ văn, nhiều người viết, quý I, II, III, IV-2012. (Giai phẩm ấn hành theo định kỳ ba tháng một tập.)

Ghi chú: 57.1 tức là ấn phẩm thứ 57 và in lần thứ nhất.
34.3 tức là ấn phẩm thứ 34 và in lần thứ ba.



Ý Nghĩa Thực Hành Pháp Thí

Đức **GIÁO TÔNG ĐẠI ĐẠO THÁI BẠCH KIM TINH** dạy (tại thánh tịnh Ngọc Minh Đài, ngày 23-12 Kỷ Dậu, thứ Sáu 30-01-1970): “*Hơn một lần, Bản Đạo có nói rằng bố thí thực phẩm cho người đói lòng là một nghĩa cử từ thiện có phước đức công quả, nhưng bố thí lời đạo đức để giác ngộ người đói kém về mặt tinh thần lại càng phước đức, công quả trọng đại hơn.*”

Thánh giáo soi rọi cho mọi người thấy rằng tiếp tay phổ truyền văn hóa đạo đức sâu rộng trong xã hội nhân sinh để góp phần xây dựng cuộc đời trở nên thuần lương thánh thiện là một việc rất quan trọng, rất cao quý. Thế nên kinh sách Tam Giáo xưa nay luôn dạy nhân sanh hãy biết làm pháp thí.

Nói chí phổ truyền chánh pháp Cao Đài của tiền nhân khai sáng là Đức **Bạch Liên Tiên Trưởng** (Phan Thanh, 1898-1952), kể từ tháng 6-2008, thánh thất Bàu Sen triển khai **Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Cao Đài**, liên kết nhà xuất bản Tôn Giáo (Hà Nội). Trân trọng kính mời Quý Thiên ân chức sắc, chức việc, đạo hữu, đạo tâm, các nhà Mạnh Thường Quân trong Tam Kỳ Phổ Độ liên hệ với thánh thất Bàu Sen để cùng nhau hợp sức ấn tống làm pháp thí ngõ hầu hoằng giáo Kỳ Ba.

Địa chỉ liên hệ: **THÁNH THẤT BÀU SEN**

59/46 Trần Phú, phường 4, quận 5, TpHCM ☎ (08) 38355733

TÂM NIỆM VÀ TRI ÂN

Đức **Ngọc Hoàng Thượng Đế** dạy: “*Hỡi các con! Giáo lý hay chơn lý Đại Đạo được hoằng dương sâu rộng vào lòng người sẽ biến đổi hoàn cảnh ngàn cách khổ đau của thế gian trở nên thái bình thanh trị hay niết bàn cực lạc.*”⁽¹⁾

Thấm thía lời Thầy dạy trên đây, hằng ngày cúng tứ thời, khi niệm đến câu “*Nam mô nhưt nguyện Đại Đạo hoằng khai; Nhị nguyện phổ độ chúng sanh*”, người đạo Cao Đài chúng ta nên tự hỏi: Mình đã làm được gì để hoằng khai Đạo Thầy cho đúng nghĩa là một chánh pháp cứu thế Kỳ Ba?

Chúng ta buồn tủi vì tình trạng Đức **Giáo Tông Đại Đạo** nêu lên hơn bốn mươi năm trước, bây giờ vẫn còn phổ biến: “*Thử xem trong thời gian mấy mươi thu qua, mỗi thánh thất, tịnh thất đâu có đủ Ban Cai Quản và Ban Trị Sự, thử hỏi lại có nơi nào đủ khả năng, phương tiện hoặc thì giờ đem giáo lý truyền bá cho tín hữu nơi đó mỗi tháng hai kỳ chăng?*”⁽²⁾

Trước hoàn cảnh thiếu thôn giáo lý nói trên, **Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo** ra đời. Xin hết lòng tri ân tất cả Quý vị Mạnh Thường Quân đã ủng hộ mạnh mẽ chương trình hoằng pháp suốt từ tháng 6-2008 tới nay. Và xin tâm niệm lời Đức **Giáo Tông Đại Đạo** dạy: “*Công quả cùng danh nghĩa Đạo các hiền đệ muội không phải mỗi lúc đều có thể làm được, mà chỉ trong cơ hội thuận tiện nhưt trong kỳ nguơn hạ. Nếu trễ qua, không bao giờ cơ hội ấy trở lại, hoặc được trở lại cũng phải mất mấy chục vạn năm trời.*”⁽³⁾

BAN ẤN TỐNG

⁽¹⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 30-9 Canh Tuất (29-10-1970).

⁽²⁾ Thiên Lý Đàm, 20-9 Kỷ Dậu (30-10-1969).

⁽³⁾ Thiên Lý Đàm, 15-7 Ất Tỵ (11-8-1965).

ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ
CHƯƠNG TRÌNH CHUNG TAY ẤN TỔNG KINH SÁCH ĐẠI ĐẠO

ĐƠN TÂM
DANH THẦY DANH ĐẠO

IN LẦN THỨ HAI

Chịu trách nhiệm xuất bản: NGUYỄN CÔNG OÁNH
Biên tập: LÊ HỒNG SƠN
Trình bày & Kỹ thuật: DŨ LAN
Ảnh bìa 1 & vẽ bìa: LÊ ANH HUY
Sửa bản in: ĐẶNG THIÊN AN, THIÊN KIM

Đôi Lời Tha Thiết

Quý vị vui lòng **KHÔNG photocopy, KHÔNG mua bán** bất kỳ kinh sách nào do Chương Trình *Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo* thực hiện. Trân trọng kính mời Quý vị liên hệ với **thánh thất Bàu Sen**, hoặc **các điểm phát hành** của chúng tôi tại các tỉnh, thành, quận, huyện để thỉnh các ấn phẩm chánh thức (kính biếu).

Kinh sách được ấn tống để kính biếu rộng rãi là nhờ có biết bao tấm lòng vàng của hàng hàng lớp lớp đạo tâm gần xa gởi gắm. Để không phụ lòng các bậc Mạnh Thường Quân ấy, xin Quý vị trân trọng giữ gìn kinh sách để truyền trao cho đúng người thật tâm tìm tu, học đạo. Chúng tôi chân thành biết ơn sự thấu hiểu, đồng cảm, và hợp tác chặt chẽ của Quý vị.

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

53 Tràng Thi, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
☎ (04) 37822845 – Fa : (04) 37822841
In năm ngàn bản, khổ 14,5x20,5 cm, tại XN In FAHASA
774 Trường Chinh, phường 15, quận Tân Bình, TpHCM.
☎ (08) 38153971 – Fax : (08) 38153297
Số xuất bản **1345-2012/CXB/35-150/TG**, ngày 07-11-2012.
In xong và nộp lưu chiểu quý IV năm 2012.

SÁCH ẤN TỔNG (KHÔNG BÁN)

Tổng phát hành: Hiền huynh **TRẦN VĂN QUANG**
59/79 Trần Phú, phường 4, quận 5, TpHCM. ☎ 0913613653